

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8020/BTC-TCNH
V/v lấy ý kiến thẩm định đối với
Nghị định quy định về tổ chức và
hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển
địa phương

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Ngày 14/6/2019, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP về việc thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP. Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Kiểm toán Nhà nước), Ủy ban nhân dân các địa phương có thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương (44 địa phương) và Công thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCNH. (6b)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37)

Kính gửi: Chính phủ

Để có căn cứ pháp lý cho hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (Nghị định số 138) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138 (Nghị định số 37). Đánh giá quá trình triển khai các Nghị định nêu trên từ năm 2007 đến nay, có thể thấy bên cạnh những kết quả đã đạt được, đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của hệ thống Quỹ ĐTPTĐP. Trên cơ sở đánh giá, tổng kết việc thi hành Nghị định số 138 và Nghị định số 37, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 178/TTr-BTC ngày 21/12/2018 đề nghị xây dựng Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

Ngày 14/6/2019, Chính phủ có Nghị quyết số 41/NQ-CP thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (kèm theo).

Triển khai Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ, theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Kiểm toán Nhà nước), Ủy ban nhân dân (UBND) các địa phương có thành lập Quỹ ĐTPTĐP (44 địa phương) và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính xin báo cáo

Chính phủ về việc ban hành Nghị định như sau:

I. Sự cần thiết ban hành Nghị định

1. Đánh giá triển khai Nghị định số 138 và Nghị định số 37

1.1. Kết quả đạt được

Triển khai Nghị định số 138 và Nghị định số 37 từ năm 2007 đến nay, đã có 44 địa phương thành lập Quỹ ĐTP TĐP với mục tiêu huy động nguồn vốn trung và dài hạn để thực hiện cho vay, đầu tư trực tiếp các dự án trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương. Đến 31/12/2019, số dư nguồn vốn hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTP TĐP là 34.980 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2007. Về cơ cấu, vốn chủ sở hữu chiếm 79% và vốn huy động chiếm 21% tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ. Về sử dụng vốn, tính đến 31/12/2019, tổng vốn sử dụng cho các hoạt động cho vay, đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập doanh nghiệp là 19.070 tỷ đồng, gấp 5 lần so với năm 2007, trong đó hoạt động cho vay đầu tư cơ sở hạ tầng là 14.328 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng vốn của Quỹ (chiếm 75,1%).

Quá trình hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTP TĐP cho thấy nguồn vốn cho vay và đầu tư đã phát huy hiệu quả, đóng vai trò làm “vốn môi” để huy động các nguồn vốn khác tham gia vào đầu tư cơ sở hạ tầng tại địa phương. Theo đó, đến 31/12/2019, tổng lợi nhuận của toàn hệ thống Quỹ ĐTP TĐP là 1.335 tỷ đồng, tăng 4 lần so với năm 2007. Hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTP TĐP có sự tăng trưởng cả về quy mô, nguồn vốn hoạt động, góp phần huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư cơ sở hạ tầng tại các địa phương.

1.2. Hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, quá trình triển khai thời gian qua cho thấy hệ thống Quỹ ĐTP TĐP chưa có sự phát triển đồng đều, một số Quỹ hoạt động chưa hiệu quả, không huy động được vốn và chưa triển khai được các hoạt động cho vay, đầu tư. Bên cạnh đó, quy mô và hoạt động của một số Quỹ chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng, trong khi để phát triển kinh tế và đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, các địa phương cần huy động nguồn lực ngày càng lớn. Ngoài ra, trong thời gian vừa qua Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư và Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp đã được ban hành, sửa đổi nên cần thiết phải rà soát lại các quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTP TĐP để đảm bảo đồng bộ với quy định của pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đánh giá, phân tích những hạn chế trong tổ chức thực hiện, và rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ những hạn chế tồn tại và các giải pháp về chính

sách đối với hệ thống Quỹ ĐTPTĐP, cụ thể như sau:

Thứ nhất, năng lực hoạt động của các Quỹ ĐTPTĐP còn hạn chế do nguồn vốn hoạt động còn thấp, một số địa phương còn chưa bố trí đủ nguồn vốn điều lệ tối thiểu. Nguồn vốn hoạt động hạn chế đã ảnh hưởng tới việc triển khai các nghiệp vụ của Quỹ ĐTPTĐP, hầu hết các Quỹ mới chỉ tập trung vào hoạt động cho vay dự án, chỉ một số ít Quỹ có nguồn lực để triển khai nghiệp vụ đầu tư, do đó chưa phát huy được vai trò là nguồn vốn môi để thu hút các nguồn vốn khác trong xã hội cùng tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng tại địa phương. Vì vậy, cần bổ sung quy định về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ, hạn chế việc địa phương không đủ nguồn lực và chưa xác định rõ mục tiêu đầu tư, cho vay vẫn thành lập Quỹ. Đồng thời, cần thiết phải rà soát sửa đổi trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định thành lập Quỹ.

Thứ hai, Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTPTĐP là quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, áp dụng cơ chế tiền lương, khen thưởng, xếp hạng doanh nghiệp như đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Tuy nhiên, quy định về cơ chế tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp nhà nước hiện nay đã được ban hành mới ở cấp Luật và Nghị định, dẫn đến một số vướng mắc trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động, xác định tiền lương, tiền thưởng của Quỹ. Theo đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, cần rà soát, củng cố phương thức hoạt động của Quỹ phù hợp với cơ chế áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn bao gồm cả cơ chế tiền lương, khen thưởng, xếp hạng.

Thứ ba, hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP còn một số bất cập như mức lãi suất cho vay tối thiểu chưa phản ánh được đầy đủ chi phí, do đó một số Quỹ cho vay với mức lãi suất rất thấp so với lãi suất thông thường, tỷ lệ nợ xấu cao ở một số Quỹ chưa được xử lý dứt điểm, hoạt động đầu tư trực tiếp chưa được đẩy mạnh, cơ chế trích lập dự phòng rủi ro cho vay, đầu tư cần được hoàn thiện.

Thứ tư, cơ chế quản lý giám sát cần phải tiếp tục hoàn thiện theo hướng (i) có biện pháp xử lý dứt điểm đối với những Quỹ hoạt động không hiệu quả, không hoạt động theo đúng mục đích thành lập Quỹ; (ii) bổ sung trách nhiệm của các Bộ, ngành và UBND trong việc quản lý giám sát hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP, đặc biệt là trách nhiệm của UBND. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo về việc hướng dẫn và giám sát các địa phương về việc cho dừng và giải thể các Quỹ ĐTPTĐP hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, quy định của pháp luật theo Chỉ thị số 22/CT-TTg và Công văn số 5335/VPCP-KTTH. Theo đó, đối với những Quỹ hoạt động không hiệu quả (không triển khai được

các hoạt động theo quy định của Nghị định), không có nguồn lực để hoạt động (không đủ mức vốn điều lệ thực có tối thiểu), cần có căn cứ pháp lý để rà soát, chấm dứt, giải thể hoạt động nhằm tránh lãng phí nguồn lực, không hiệu quả trong việc duy trì bộ máy hoạt động.

Thứ năm, trong thời gian vừa qua, một số văn bản pháp luật có quy định điều chỉnh về hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP đã được ban hành mới hoặc sửa đổi như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Do đó, cần phải rà soát, sửa đổi các quy định tại Nghị định để phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị định

Việc ban hành Nghị định đáp ứng được các yêu cầu sau:

Một là, xây dựng khung khổ pháp lý thống nhất để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPPTĐP hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động nêu trên, đảm bảo phù hợp, đồng bộ với khung khổ pháp lý hiện hành;

Hai là, góp phần giảm rủi ro trong hoạt động cho vay, đầu tư của các Quỹ, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP;

Ba là, nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPPTĐP.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo việc xây dựng Nghị định

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát, tăng cường năng lực hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho các Quỹ hoạt động trên cơ sở khắc phục được các tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động thời gian qua. Theo đó, mục tiêu ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37 như sau:

- *Thứ nhất*, tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về pháp lý trong quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPPTĐP.

- *Thứ hai*, kế thừa những ưu điểm và những nội dung còn phù hợp tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37 để xây dựng Nghị định mới; đồng thời, bổ sung, hoàn chỉnh một số quy định nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện các nghị định nêu trên.

- *Thứ ba*, nghiên cứu, bổ sung những quy định mới để nâng cao hiệu quả

quản lý, giám sát và góp phần phát triển hệ thống Quỹ ĐTPTĐP cả về quy mô và năng lực hoạt động.

2. Quan điểm chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ

Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22/10/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trong đó có Quỹ ĐTPTĐP.

III. Một số nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

1. Kết cấu: Dự thảo Nghị định gồm 7 chương và 58 điều, trong đó:

- Chương I: "Quy định chung" quy định về phạm vi điều chỉnh; địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; phạm vi và nguyên tắc hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

- Chương II: "Thành lập, cơ cấu tổ chức của Quỹ ĐTPTĐP" quy định về điều kiện thành lập; quy trình thành lập; điều lệ tổ chức và hoạt động; trách nhiệm và quyền hạn; cơ cấu tổ chức, bao gồm Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc của Quỹ.

- Chương III: "Hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP" quy định về hoạt động đầu tư, cho vay, nhận ủy thác và ủy thác vốn của Quỹ ĐTPTĐP.

- Chương IV: "Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo" quy định về vốn chủ sở hữu; vốn huy động; vốn nhận ủy thác; bảo toàn an toàn vốn; chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán; cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ...

- Chương V: "Cơ cấu lại, giải thể Quỹ ĐTPTĐP" quy định về cơ cấu lại và giải thể Quỹ; các trường hợp buộc phải giải thể; Hội đồng giải thể; quy trình giải thể; quyết định giải thể; trách nhiệm của Quỹ và Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể.

- Chương VI: "Tổ chức thực hiện" quy định về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chương VII: "Điều khoản thi hành" quy định về điều khoản chuyển tiếp, tổ chức thực hiện, hiệu lực và trách nhiệm thi hành Nghị định.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định:

- Tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019, Chính phủ đã thông qua 4 nhóm chính sách đề xuất sửa đổi tại Nghị định, bao gồm: (i) nhóm chính sách về hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP; (ii) nhóm chính sách về tăng quy mô và hiệu quả hoạt động của Quỹ; (iii) nhóm chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ; và (iv) nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát.

- Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP, dự thảo Nghị định quy định cụ thể 4 nhóm chính sách, trong đó một số nội dung cơ bản gồm:

2.1. Nhóm chính sách về hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP

2.1.1. Về mô hình tổ chức của Quỹ ĐTPTĐP

Dự thảo Nghị định quy định mô hình của Quỹ như quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37, đồng thời bổ sung các quy định về quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động để phù hợp với đặc thù của Quỹ ĐTPTĐP theo hướng áp dụng cách thức quản lý, giám sát của doanh nghiệp nhà nước.

2.1.2. Về cơ chế tiền lương, tiền thưởng và phân phối chênh lệch thu chi của Quỹ ĐTPTĐP

- Đối với cơ chế tiền lương, tiền thưởng, trên cơ sở rà soát quy định hiện hành về cơ chế tiền lương, tiền thưởng áp dụng đối với doanh nghiệp Nhà nước dự thảo Nghị định (Điều 36 và Điều 56) quy định trách nhiệm hướng dẫn của Bộ LĐTBXH theo hướng cơ chế tiền lương, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ ĐTPTĐP áp dụng theo quy định của công ty TNHH MTV do NN sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ LĐTBXH; việc xếp hạng Quỹ ĐTPTĐP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ LĐTBXH.

- Đối với phân phối chênh lệch thu chi, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: (i) duy trì quỹ dự phòng tài chính tương tự như tổ chức tín dụng, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Nghị định 39/2019/NĐ-CP để đảm bảo an toàn hoạt động của Quỹ khi thực hiện nghiệp vụ cho vay, đầu tư; (ii) sau khi phân phối và trích lập các quỹ, phần chênh lệch thu chi còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ nhằm tăng quy mô hoạt động của Quỹ (do Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên khác với doanh nghiệp nhà nước, sau khi phân phối và trích lập các quỹ, phần chênh lệch thu chi còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ). UBND cấp tỉnh quyết định cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn quỹ đầu tư phát triển. Quy định này tương đồng với quy định về phân phối chênh lệch

thu chi và trích lập các quỹ của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác như Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ bảo vệ môi trường, Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...

2.2. Nhóm chính sách về tăng quy mô và hiệu quả hoạt động của Quỹ

2.2.1. Về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ ĐTPĐP

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định một trong các điều kiện để Quỹ ĐTPĐP được thành lập phải có vốn điều lệ tối thiểu là 100 tỷ đồng; tuy nhiên, chưa có quy định về việc đánh giá sự cần thiết, khả năng huy động vốn, khả năng cho vay, đầu tư của Quỹ ĐTPĐP tại thời điểm thành lập. Bên cạnh đó, trong bối cảnh nguồn vốn huy động còn hạn chế, mức vốn điều lệ tối thiểu nhỏ (100 tỷ đồng) nên Quỹ không thể quay vòng nguồn vốn để thực hiện nhiều dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, chưa thúc đẩy việc huy động thêm nguồn lực khác cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

- Xuất phát từ thực trạng nêu trên, để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về điều kiện và quy trình thành lập Quỹ ĐTPĐP (Điều 7 và Điều 8), bao gồm: (i) địa phương có nhu cầu và đảm bảo Quỹ hoạt động hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; (ii) nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương tối thiểu là 300 tỷ đồng (iii) có Đề án thành lập Quỹ do UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh thông qua; (iv) có dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Đồng thời, dự thảo Nghị định quy định các nội dung cơ bản của Đề án thành lập Quỹ, trên cơ sở đó HĐND và UBND cấp tỉnh có cơ sở để rà soát nguồn vốn, nhu cầu sử dụng vốn của Quỹ, đảm bảo việc thành lập Quỹ hiệu quả và đạt được mục tiêu đề ra trong phát triển kinh tế xã hội.

2.2.2. Về cơ cấu lại, giải thể Quỹ ĐTPĐP

Để nâng cao hiệu quả thành lập và hoạt động Quỹ ĐTPĐP, trên cơ sở quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động, quản lý giám sát đối với Quỹ và người quản lý để kịp thời phát hiện các rủi ro và có giải pháp cơ cấu lại hoạt động của Quỹ ĐTPĐP (Điều 45). Căn cứ vào xếp loại Quỹ ĐTPĐP, UBND cấp tỉnh quyết định cơ cấu lại bộ máy tổ chức, điều hành đối với Quỹ xếp loại hoạt động không hiệu quả. Đối với các Quỹ hoạt động không hiệu quả, dự thảo Nghị định quy định các trường hợp Quỹ ĐTPĐP buộc phải giải thể hoạt động.

2.3. Nhóm chính sách về nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ

2.3.1. Về hoạt động cho vay của Quỹ ĐTPĐP

- Xuất phát từ thực tế hoạt động của Quỹ ĐTP TĐP thời gian qua: (i) tỷ lệ nợ xấu ở một số Quỹ ở mức cao, mức lãi suất tối thiểu được UBND một số địa phương quy định ở mức thấp, chưa phản ánh được đầy đủ chi phí trong lãi suất cho vay; (ii) quy định về sử dụng dự phòng rủi ro cho vay, dự phòng rủi ro đầu tư trực tiếp đang được quy định ở cấp Thông tư, cần được quy định tại Nghị định để đảm bảo hiệu lực về pháp lý.

- Dự thảo Nghị định đã rà soát, bổ sung các quy định về hoạt động cho vay đối với Quỹ ĐTP TĐP như sau:

a) Về điều kiện cho vay: Dự thảo Nghị định bổ sung điều kiện cho vay từ Quỹ ĐTP TĐP theo hướng thận trọng (tương tự như điều kiện cho vay của các tổ chức tín dụng và vay vốn tín dụng đầu tư của nhà nước), cụ thể: (i) dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay đã được UBND cấp tỉnh ban hành; (ii) không là công ty con của Quỹ; (iii) chủ đầu tư dự án có năng lực pháp luật dân sự; (iv) dự án được Quỹ thẩm định, đánh giá là có hiệu quả, có khả năng trả được nợ vay; (v) dự án tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật đầu tư và (vi) chủ đầu tư đã mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản đảm bảo tiền vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc (Điều 25).

b) Về lãi suất cho vay: Dự thảo Nghị định quy định lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không thấp lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay, *có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu* và giao Bộ Tài chính hướng dẫn. Căn cứ quy định này, Quỹ xây dựng và báo cáo UBND cấp tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ ĐTP TĐP.

c) Về cấp bù chênh lệch lãi suất

- Theo quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37, UBND cấp tỉnh ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu, Quỹ không được cho vay thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu. Trường hợp UBND cấp tỉnh quyết định cho vay với lãi suất thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cấp bù phần chênh lệch lãi suất để bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

- Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước 2015, NSNN không hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (Khoản 11 Điều 8). Qua kiểm tra giám sát, có trường hợp UBND cấp tỉnh thường xuyên quyết định cho vay với lãi suất 0% và cấp bù chênh lệch lãi suất cho Quỹ (tỉnh Bắc Ninh). Trường hợp này, ngân sách địa phương phải chịu chi phí, trong khi doanh nghiệp vay vốn được hưởng ưu đãi, cho dù lãi suất cho vay tối thiểu của

Quỹ hiện trung bình là 8%, đã ở mức thấp hơn lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng.

- Để phù hợp với quy định tại Luật NSNN, dự thảo Nghị định quy định theo hướng không cho phép UBND cấp bù chênh lệch lãi suất cho Quỹ.

d) Về thẩm quyền và quy trình xử lý rủi ro cho vay:

Kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37, dự thảo Nghị định quy định Quỹ ĐTPTEP thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với các ngân hàng thương mại. Về thẩm quyền và quy trình xử lý rủi ro cho vay, dự thảo Nghị định đã sửa đổi trên cơ sở rà soát, tham khảo quy định hiện hành của các tổ chức tín dụng (Thông tư số 02/2013/TT-NHHH, Thông tư số 09/2014/TT-NHN và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN) và quy định đối với vốn tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển (Nghị định số 32/2017/NĐ-CP).

đ) Về giới hạn cho vay: dự thảo Nghị định quy định giới hạn cho vay đối với một dự án, giới hạn cho vay đối với một khách hàng, nhóm khách hàng và giới hạn khi Quỹ vừa thực hiện đầu tư, vừa cho vay đối với một dự án để đảm bảo an toàn trong hoạt động cho vay của Quỹ. Quy định này được kế thừa theo quy định hiện hành tại Nghị định 138, Nghị định 37 và không phát sinh vướng mắc trong triển khai, thực hiện.

2.3.2. Về hoạt động đầu tư của Quỹ

a) Về nguyên tắc đầu tư của Quỹ

- Trong quá trình triển khai Nghị định số 138 và Nghị định số 37, một số địa phương cho rằng hoạt động đầu tư của Quỹ như hoạt động đầu tư công, đầu tư vốn từ NSNN, dẫn đến khó khăn trong việc giải ngân vốn, giảm tính chủ động và hiệu quả trong việc sử dụng vốn của Quỹ ĐTPTEP. Tuy nhiên, trên thực tế, hoạt động đầu tư của Quỹ ĐTPTEP tương tự như hoạt động đầu tư vốn ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước.

- Để làm rõ và nguyên tắc đầu tư của Quỹ, Điều 19 dự thảo Nghị định quy định *việc đầu tư của Quỹ không phải hoạt động đầu tư công*. Trên cơ sở rà soát quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn của doanh nghiệp nhà nước, để giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của Quỹ, dự thảo Nghị định quy định việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để đầu tư bên cạnh việc tuân thủ quy định của Nghị định còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

- Ngoài ra, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước trong quá trình kiểm toán tại các Quỹ ĐTP TĐP, dự thảo Nghị định quy định các trường hợp Quỹ không được đầu tư, tương tự như đối với doanh nghiệp nhà nước (Khoản 3 Điều 19).

b) Về hình thức đầu tư

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTP TĐP thực hiện đầu tư dưới hình thức đầu tư trực tiếp và góp vốn thành lập tổ chức kinh tế.

- Theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2014 (hiện hành), "*đầu tư kinh doanh là việc nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư để thực hiện hoạt động kinh doanh thông qua việc thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư*" (Khoản 5 Điều 3). Luật Đầu tư năm 2020 cũng quy định các hình thức đầu tư bao gồm: đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; thực hiện dự án đầu tư; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; các hình thức đầu tư mới theo quy định của Chính phủ (Điều 21 Luật Đầu tư năm 2020). Theo đó, hoạt động góp vốn thành lập tổ chức kinh tế chỉ là một hình thức đầu tư quy định tại Luật Đầu tư.

Để phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định Quỹ được phép đầu tư theo các hình thức quy định tại Luật Đầu tư, bao gồm: (i) thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế và (ii) đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư.

c) Về lĩnh vực đầu tư

- Nghị định số 138 và Nghị định số 37 quy định Quỹ ĐTP TĐP đầu tư và góp vốn thành lập tổ chức kinh tế thuộc danh mục các lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của địa phương được UBND cấp tỉnh ban hành; Nghị định quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội làm căn cứ để UBND cấp tỉnh xem xét, thực hiện.

- Trong quá trình triển khai, có nhiều cách hiểu về khái niệm "kết cấu hạ tầng"; có ý kiến cho rằng lĩnh vực kết cấu hạ tầng chỉ bao gồm phần xây dựng, không bao gồm phần máy móc, thiết bị. Theo đó, đối với một số dự án xây dựng bệnh viện, hạ tầng khu công nghiệp, dự án xử lý rác thải..., Quỹ chỉ được đầu tư phần xây dựng (chiếm tỷ trọng nhỏ của dự án), không được đầu tư phần máy móc, thiết bị (chiếm tỷ trọng lớn của dự án). Trong bối cảnh các dự án do Quỹ đầu tư thường có tỷ lệ sinh lời thấp, khó tìm kiếm được nguồn vốn từ khu vực tư nhân, với cách hiểu về "kết cấu hạ tầng" chưa thống nhất, dẫn đến Quỹ không thể cho vay được các dự án đầu tư có cả phần máy móc, thiết bị ảnh hưởng đến

mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đồng thời, trong quá trình triển khai thực hiện, nhiều địa phương và các Quỹ phản ánh danh mục khung ban hành tại Nghị định số 37 chưa bao gồm đầy đủ các lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương. Nhiều địa phương muốn ưu tiên phát triển một số lĩnh vực đặc thù nhưng không có trong danh mục khung nên không thể triển khai. Đồng thời, nhiều địa phương có văn bản hỏi cơ quan quản lý về các lĩnh vực đầu tư được phép của Quỹ ĐTPTĐP gây chậm trễ trong triển khai thực hiện.

- Xuất phát từ các khó khăn, vướng mắc nêu trên, dự thảo Nghị định quy định UBND cấp tỉnh căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của từng địa phương, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay bao gồm một số lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và các lĩnh vực khác phù hợp với định hướng quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ phải được trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước khi UNND cấp tỉnh ban hành. Quy định này sẽ phù hợp với đặc thù và nhu cầu thực tiễn của địa phương để tạo sự chủ động trong triển khai thực hiện. Đồng thời, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định về điều kiện cho vay và đầu tư đảm bảo an toàn trong hoạt động của Quỹ trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, NHNN và Bộ KHĐT.

d) Về việc quản lý và chuyển nhượng vốn đầu tư

- Để quản lý chặt chẽ các khoản đầu tư của Quỹ, đảm bảo an toàn hoạt động, dự thảo Nghị định quy định về việc quản lý và chuyển nhượng vốn đầu tư theo hướng Quỹ ĐTPTĐP quản lý và chuyển nhượng dự án đầu tư, phần vốn góp tại tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật đối với DNNN. Theo đó, để đảm bảo Quỹ trích lập dự phòng đối với các dự án tiềm ẩn rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, dự thảo Nghị định quy định Quỹ ĐTPTĐP trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, để đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư, dự thảo Nghị định quy định giới hạn đầu tư đối với tổng giá trị các khoản đầu tư, tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

- Dự thảo Nghị định quy định cụ thể về thẩm quyền quyết định và chuyển nhượng dự án đầu tư, phần vốn góp tại tổ chức kinh tế, trong đó UBND cấp tỉnh quyết định khi giá trị vốn đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2.4. Nhóm chính sách về hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày

14/6/2019 về việc "lưu ý làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), UBND các địa phương và các cơ quan liên quan trong quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, tổ chức hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác quản lý, giám sát Quỹ", dự thảo Nghị định quy định cụ thể trách nhiệm quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của UBND cấp tỉnh với vai trò đại diện chủ sở hữu nhà nước (tại Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 54) và trách nhiệm quản lý, giám sát của Bộ Tài chính (Điều 55), NHNN (Điều 56) và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Điều 57) đối với hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP.

2.5. Đối với Công ty đầu tư tài chính nhà nước thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)

- HFIC là công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, thực hiện 2 nhiệm vụ chính bao gồm: (i) chức năng Quỹ ĐTPTĐP và (ii) thí điểm thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp trực thuộc UBNDTP.HCM (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2103/TTg-ĐMDN ngày 04/11/2009). Trong giai đoạn 2016-2018, Lãnh đạo Chính phủ có các chỉ đạo giao UBND TP. HCM chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Nghị định về mô hình hoạt động và cơ chế tài chính của HFIC. Về việc này, Bộ Tài chính đã có văn bản số 5055/BTC-TCNH ngày 03/5/2019 trình Thủ tướng Chính phủ cho phép rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tại văn bản số 9055/VPCP-DMDN ngày 07/10/2019.

- Trên cơ sở đề xuất của UBND TP. HCM và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 9055/VPCP-DMDN nêu trên, trong thời gian tới, HFIC chỉ còn thực hiện chức năng Quỹ ĐTPTĐP, bao gồm cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác vốn. Ngoài ra, về mô hình tổ chức, do HFIC là công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ nên HFIC hoạt động theo quy định đối với doanh nghiệp Nhà nước (Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn).

- Hiện nay, Nghị định số 37 (Khoản 4 Điều 2) quy định hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư trực tiếp và các hoạt động khác theo chức năng Quỹ ĐTPTĐP của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định số 138 và Nghị định số 37. Căn cứ đặc thù về mô hình tổ chức, dự thảo Nghị định quy định theo hướng: (i) hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ ĐTPTĐP của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này; (ii) HFIC huy động vốn theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, trong đó giới hạn huy động vốn thực hiện theo Nghị định này (các quy định này tương tự như quy định

hiện hành tại Nghị định số 37); (iii) các hoạt động khác của HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với DNNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính (gồm cơ chế tài chính, quản lý giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và công bố, công khai thông tin). Quy định này như quy định hiện hành HFIC đang thực hiện, không phát sinh chính sách mới, nên khi Nghị định này có hiệu lực, HFIC sẽ tiếp tục thực hiện chức năng huy động vốn, cho vay, đầu tư các dự án kết cấu hạ tầng tại thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Về việc không bổ sung quy định Quỹ ĐTPTĐP đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Ngày 18/2/2020, Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 09/CT-TTg về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trong đó giao Bộ Tài chính “nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 138 theo hướng cho phép Quỹ đầu tư phát triển địa phương được đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo”. Đối với nội dung này, Bộ Tài chính xin báo cáo như sau:

- Chức năng và phạm vi hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP là cho vay và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nhằm phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Trong khi đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là lĩnh vực đầu tư rủi ro, mạo hiểm, có thể có lợi nhuận cao nhưng tiềm ẩn rủi ro về mất vốn. Do đó, nếu Quỹ ĐTPTĐP đầu tư vào lĩnh vực này thì sẽ có khả năng mất, thất thoát vốn. Theo kinh nghiệm quốc tế, lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo thường huy động vốn từ khu vực tư nhân (thông qua ngân hàng đầu tư, quỹ đầu tư mạo hiểm hoặc gọi vốn cộng đồng từ các nhà đầu tư mạo hiểm) chứ không sử dụng nguồn lực của Nhà nước nói chung và nguồn lực của các quỹ tài chính nhà nước nói riêng.

- Trong bối cảnh nguồn lực hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP còn hạn chế, cần tập trung cho chức năng, nhiệm vụ chính, việc bổ sung thêm nhiệm vụ đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là không hiệu quả, không đạt được mục tiêu thành lập Quỹ, gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước. Việc đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo là hoạt động đầu tư có tính chất rủi ro cao, có thể gây mất an toàn trong hoạt động đầu tư của Quỹ, dẫn tới nhiều hệ lụy về kinh tế và xã hội tại địa phương.

- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP hiện hành không có quy định về việc Quỹ ĐTPTĐP đầu tư vào doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời, quy định này chưa được đánh giá tác động và không thuộc 4 nhóm chính sách đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 41/NQ-CP. Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ không quy định Quỹ ĐTPTĐP đầu tư vào các doanh nghiệp nhỏ

và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

IV. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành

1. Các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và các Quỹ ĐTPTĐP thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định. Các ý kiến tham gia hợp lý đã được tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định bao gồm: bổ sung căn cứ pháp lý Luật Đầu tư công và rà soát quy định của Luật Đầu tư công đối với việc cấp bổ sung vốn điều lệ của Quỹ ĐTPTĐP, rà soát điều kiện và nguyên tắc cho vay, đầu tư của Quỹ, hoàn thiện về thẩm quyền, quyền hạn và trách nhiệm của HĐND, UBND cấp tỉnh, của Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên và Ban điều hành của Quỹ.

2. Đối với một số ý kiến khác, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ tại báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến các Bộ, ngành kèm theo.

V. Trên cơ sở các nội dung nêu trên, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương./.

(Xin trình kèm theo: Dự thảo Nghị định; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, ngành; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ TCNH_(b)

BỘ TRƯỞNG

Đinh Tiến Dũng

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

**BÁO CÁO GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT
ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

Triển khai Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ, theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương thay thế Nghị định số 138 và Nghị định số 37 (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Sau khi lấy ý kiến các Bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Xây dựng, Kiểm toán Nhà nước), Ủy ban nhân dân (UBND) các địa phương có thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương (44 địa phương) và Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính đã tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và các Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP), Bộ Tài chính xin báo cáo các nội dung đã tiếp thu, giải trình như sau:

1. Các Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh và các Quỹ ĐTPTĐP thống nhất với sự cần thiết ban hành Nghị định. Các ý kiến tham gia hợp lý đã được tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định bao gồm: bổ sung căn cứ pháp lý Luật Đầu tư công và rà soát quy định của Luật Đầu tư công đối với việc cấp bổ sung vốn điều lệ của Quỹ ĐTPTĐP, rà soát điều kiện và nguyên tắc cho vay, đầu tư của Quỹ, hoàn thiện về thẩm quyền, quyền hạn và trách nhiệm của HĐND, UBND cấp tỉnh, của Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên và Ban điều hành của Quỹ.

2. Đối với một số ý kiến khác, Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ như sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh của Nghị định

- Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đề nghị làm rõ sự cần thiết bổ sung quy định về HFIC tại dự thảo Nghị định và đánh giá tác động bổ sung đối với quy định này.

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Nội dung về HFIC hiện đang được quy định tại Nghị định số 37/2013/NĐ-CP (Khoản 4 Điều 2). Về cơ bản, các nội dung quy định tại dự thảo

lần này là: (i) hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ ĐTPTĐP của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này; (ii) HFIC huy động vốn theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, trong đó giới hạn huy động vốn thực hiện theo Nghị định này (các quy định này tương tự như quy định hiện hành tại Nghị định số 37); (iii) các hoạt động khác của HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với DNNN và hướng dẫn của Bộ Tài chính (gồm cơ chế tài chính, quản lý giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và công bố, công khai thông tin). Quy định này như quy định hiện hành HFIC đang thực hiện, không phát sinh chính sách mới và không phát sinh tác động đến đối tượng quản lý.

+ Ngày 03/5/2019, Bộ Tài chính đã có văn bản số 5055/BTC-TCNH trình Thủ tướng Chính phủ cho phép rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành và UBND TP. HCM, ngày 07/10/2019, Lãnh đạo Chính phủ đã có chỉ đạo: “*Bộ Tài chính phối hợp với UBND TP. HCM và các cơ quan liên quan rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPTĐP*”.

+ Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với UBND TP. HCM rà soát mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ của HFIC để quy định tại dự thảo Nghị định. Theo đó, HFIC không tiếp tục thực hiện thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trực thuộc UBND TP. HCM mà chỉ thực hiện chức năng Quỹ ĐTPTĐP. Theo đó, quy định tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành mà HFIC đang triển khai theo Nghị định số 138, không phát sinh chính sách mới và không phát sinh tác động đến đối tượng quản lý. Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định như dự thảo Nghị định.

2.2. Về mô hình tổ chức của Quỹ

- Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quy định Quỹ hoạt động theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước để thống nhất với Luật Quản lý đầu tư vốn nhà nước vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP.

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Tại đề xuất chính sách đã được Chính phủ thông qua, mô hình Quỹ ĐTPTĐP bao gồm Hội đồng quản lý, Ban Kiểm soát, Ban điều hành như hiện tại nhằm giúp Quỹ thuận lợi hơn khi phối hợp với UBND cấp tỉnh và các Sở, Ban ngành tiếp cận nguồn vốn và các dự án đầu tư.

+ Khi lấy ý kiến các Bộ, ngành và các địa phương về Nghị định, Bộ Tài chính đã lấy thêm ý kiến về phương án tổ chức các Quỹ theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, đa số UBND cấp tỉnh và các Quỹ có ý kiến việc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước sẽ gây khó khăn cho Quỹ do mục tiêu hoạt động theo doanh nghiệp không thể bảo đảm Quỹ là công cụ tài chính hỗ trợ cho đầu tư phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

+ Tiếp thu ý kiến của UBND các tỉnh và các Quỹ, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định mô hình hoạt động của Quỹ như hiện nay, đồng thời dự thảo Nghị định quy định chặt chẽ về hoạt động và việc quản lý giám sát đối với Quỹ theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp Nhà nước. Đây cũng là phương án đã được các Bộ, ngành đồng thuận và Chính phủ đã phê duyệt tại Nghị quyết số 41/NQ-CP thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về tổ chức, hoạt động của Quỹ ĐTP.TĐP.

2.3. Về hoạt động cho vay của Quỹ

- NHNN đề nghị không căn cứ vào Luật tổ chức tín dụng, NHNN không có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng, thanh tra, giám sát đối với hoạt động cho vay của Quỹ ĐTP.TĐP.

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Quỹ ĐTP.TĐP thực hiện hoạt động cho vay, nhận và xử lý tài sản đảm bảo, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng nên một trong các căn cứ ban hành Nghị định là Luật các tổ chức tín dụng, tương tự như Nghị định số 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Về trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN, tiếp thu ý kiến của NHNN, dự thảo Nghị định không quy định chức năng của NHNN trong việc tranh tra, kiểm tra hoạt động của Quỹ ĐTP.TĐP mà giao UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý, giám sát tương tự như trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp nhà nước. NHNN chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ.

+ Các quy định trên được kế thừa từ Nghị định số 138 và Nghị định số 37 hiện hành, không phát sinh quy định mới và phù hợp với quy định của pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng, tiền tệ. Do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định như tại dự thảo Nghị định.

2.4. Về hoạt động đầu tư của Quỹ

- Kiểm toán Nhà nước và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị quy định cụ thể các ngành, lĩnh vực mà Quỹ ĐTP TĐP được phép đầu tư tại dự thảo Nghị định.

- Về nội dung này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

+ Như đã báo cáo tại Tờ trình Chính phủ, quy định về danh mục đầu tư của Quỹ ĐTP TĐP nhằm giải quyết những tồn tại, hạn chế hiện nay. Quy định hiện hành tại Nghị định số 37 có liệt kê một số ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội mà Quỹ đầu tư, cho vay để UBND cấp tỉnh căn cứ vào nhu cầu của từng địa phương, ban hành danh mục cho Quỹ. Tuy nhiên, thời gian vừa qua, cùng với sự phát triển của nhiều ngành nghề, lĩnh vực mới, các địa phương thường xuyên có vướng mắc và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính làm rõ các ngành nghề, lĩnh vực mới này có thuộc danh mục lĩnh vực quy định hay không, ví dụ như đầu tư máy móc, thiết bị của bệnh viện, đầu tư sản xuất gạch nung theo công nghệ mới giảm ô nhiễm môi trường...

+ Ngoài ra, trong từng thời kỳ, địa phương có nhu cầu phát triển một số ngành nghề, lĩnh vực để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, ví dụ như đầu tư vùng trồng nghệ dược liệu để phát triển các sản phẩm thuốc từ tinh bột nghệ, đầu tư đổi mới công nghệ của các ngành nghề cổ truyền để giảm ô nhiễm môi trường... Tuy nhiên, danh mục lĩnh vực được quy định tại Nghị định số 37 không bao quát hết được các trường hợp, gây khó khăn trong triển khai, thực hiện và địa phương khó giải trình cơ quan thanh tra, kiểm toán.

+ Xuất phát từ các khó khăn, vướng mắc nêu trên, dự thảo Nghị định quy định UBND cấp tỉnh căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực tiễn của từng địa phương, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay bao gồm một số lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng cơ bản và các lĩnh vực khác phù hợp với định hướng quy hoạch, phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ phải được trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến trước khi UBND cấp tỉnh ban hành. Quy định này sẽ phù hợp với đặc thù và nhu cầu thực tiễn của địa phương để tạo sự chủ động trong triển khai thực hiện. Đồng thời, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định về điều kiện cho vay và đầu tư đảm bảo an toàn trong hoạt động của Quỹ trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, NHNN và Bộ KHĐT. Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ cho phép quy định như tại dự thảo Nghị định.

(Bản tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành trình kèm)

3. Kiến nghị

Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương./.

Nội dung

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ	1
Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	2
Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	2
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	3
Chương II	3
THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	3
Điều 6. Tổ chức điều hành hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương	3
Điều 7. Điều kiện thành lập mới Quỹ đầu tư phát triển địa phương	3
Điều 8. Quy trình thành lập mới Quỹ đầu tư phát triển địa phương	4
Điều 9. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	5
Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	6
Điều 12. Hội đồng quản lý	7
Điều 13. Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương	8
Điều 14. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương	9
Điều 15. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương	10
Chương III	11
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	11
Mục 1	11
DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA	11
Điều 17. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	11
Điều 18. Phê duyệt danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	11
Mục 2	12
Điều 19. Nguyên tắc và hình thức đầu tư	12
Điều 20. Đối tượng đầu tư	12
Điều 21. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế	13
Điều 22. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư	13
Điều 23. Thẩm quyền quyết định đầu tư	14

Điều 24. Giới hạn đầu tư	14
Mục 3	14
HOẠT ĐỘNG CHO VAY	14
Điều 25. Đối tượng và điều kiện cho vay	14
Điều 26. Thời hạn cho vay	15
Điều 27. Lãi suất cho vay	15
Điều 28. Bảo đảm tiền vay	15
Điều 29. Quy định về cho vay hợp vốn	16
Điều 30. Thẩm quyền quyết định cho vay	16
Điều 31. Giới hạn cho vay	16
Điều 32. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay	16
Điều 33. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ	17
a) Trường hợp chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay phù hợp với khả năng trả nợ vay của chủ đầu tư theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh; thời hạn cho vay không thay đổi;	17
Điều 34. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro	17
Mục 4	18
HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC	18
Điều 35. Nhận ủy thác	18
Điều 36. Ủy thác	19
Chương IV	19
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO	19
Điều 37. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán	19
Điều 38. Vốn chủ sở hữu	20
Điều 39. Huy động vốn	20
Điều 40. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương	21
Điều 41. Vốn nhận ủy thác	21
Điều 42. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	22
Điều 43. Kế hoạch tài chính hàng năm	22
Điều 44. Chế độ báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	22
Điều 45. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương	22
Chương V	24
CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG	24
Điều 46. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	24
Điều 47. Các trường hợp buộc phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	24

Điều 48. Hội đồng giải thể Quỹ Đầu tư phát triển địa phương	24
Điều 49. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	25
Điều 50. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương	26
Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể	26
Điều 52. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể	27
Chương VI	28
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	28
Điều 53. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	28
Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	28
Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Tài chính	29
Điều 56. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	29
Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	29
Chương VII	29
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	29
Điều 58. Tổ chức thực hiện	30

Số: /2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,
Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập (sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư phát triển địa phương) và hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là HFIC).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tại một thời điểm.

2. "Người quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương" là người giữ các chức danh, chức vụ bao gồm: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc/Giám đốc (sau đây gọi tắt là Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc/Phó Giám đốc (sau đây gọi tắt là Phó Giám đốc), Kế toán trưởng.

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Tên gọi của Quỹ đầu tư phát triển địa phương: Quỹ đầu tư phát triển, ghép với tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. HFIC thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn.

Điều 4. Phạm vi hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

3. Đầu tư thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

4. Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay, thu hồi nợ của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

5. Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của mình.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện cho vay, đầu tư theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

THÀNH LẬP, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Tổ chức điều hành hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được tổ chức điều hành theo một trong hai phương thức sau:

a) Thành lập bộ máy tổ chức quản lý điều hành độc lập tại địa phương;

b) Ủy thác cho tổ chức tài chính khác tại địa phương quản lý, điều hành hoạt động.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phương thức tổ chức điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ.

3. Trường hợp ủy thác Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho tổ chức tài chính khác tại địa phương theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, việc ủy thác được thực hiện theo văn bản ủy thác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành bao gồm các nội dung:

a) Phạm vi ủy thác;

b) Nội dung và quy trình ủy thác;

c) Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn đối với rủi ro phát sinh và các nội dung khác có liên quan.

Điều 7. Điều kiện thành lập mới Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương khi có nhu cầu thực tiễn tại địa phương và đảm bảo Quỹ hoạt động hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư

công trung hạn của địa phương tối thiểu là 300 (ba trăm) tỷ đồng. Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

3. Có Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

Điều 8. Quy trình thành lập mới Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Khi có nhu cầu thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng Đề án thành lập Quỹ và trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Đề án thành lập Quỹ gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục tiêu và sự cần thiết thành lập Quỹ; nhu cầu đầu tư các dự án kinh tế - xã hội tại địa phương; quy mô, phạm vi, nội dung hoạt động và tác động của việc thành lập Quỹ đến sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

b) Phương án và nguồn vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trong đó dự kiến khả năng huy động vốn của Quỹ trong ba (03) năm từ thời điểm thành lập và nguồn cấp vốn điều lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

c) Phương thức tổ chức điều hành Quỹ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

d) Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với quy định tại Điều 9 Nghị định này;

đ) Danh sách dự kiến các nhân sự gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ trong trường hợp Quỹ hoạt động độc lập;

e) Thuyết minh cụ thể về cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ;

g) Dự kiến phương án tài chính và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong vòng 03 (ba) năm sau khi thành lập kèm theo danh mục các dự án dự kiến cho vay, đầu tư và hiệu quả của từng dự án.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét thông qua việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các nội dung sau:

a) Vốn điều lệ và nguồn hình thành vốn điều lệ;

b) Vốn huy động;

c) Phương thức tổ chức điều hành; mô hình và cơ cấu tổ chức, bộ máy hoạt động của Quỹ;

d) Nội dung khác liên quan đến thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa

phương theo yêu cầu quản lý của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi đáp ứng được các điều kiện thành lập Quỹ theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập và Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.

4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cấp đủ vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này và gửi văn bản thông báo đến Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo Quyết định thành lập, Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày ban hành Quyết định thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ có trách nhiệm thông báo công khai việc thành lập Quỹ trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 9. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Tên và nơi đặt trụ sở chính.
- b) Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật.
- c) Nội dung và phạm vi hoạt động.
- d) Vốn điều lệ của Quỹ.
- đ) Cơ cấu tổ chức và hoạt động của Quỹ.
- e) Chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản lý, Ban điều hành và Kiểm soát viên.
- g) Tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.
- g) Việc tuyển dụng, lao động, quy hoạch và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo khác của Quỹ.
- h) Chế độ tài chính của Quỹ.
- i) Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
- k) Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ.

l) Xử lý tranh chấp, cơ cấu lại, giải thể đối với Quỹ.

m) Các nội dung khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này;

b) Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định này;

c) Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật;

đ) Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định này, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Được lựa chọn các dự án khả thi, có hiệu quả thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định này;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối yêu cầu về việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gồm có:

a) Hội đồng quản lý.

b) Kiểm soát viên.

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định này và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 12. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, số lượng không quá 05 (năm) người với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý có thể kiêm Giám đốc Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ một chức vụ quản lý nào khác tại Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về số lượng thành viên và nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản lý theo nguyên tắc số lượng thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ là số lẻ; quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 05 năm là người quản lý, điều hành trong các lĩnh vực về kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể bổ nhiệm Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bao gồm:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Quyết định phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hằng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên và ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Xác định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

đ) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn thuộc thẩm quyền.

e) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

g) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

h) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

i) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc thẩm quyền.

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 13. Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương là cá nhân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, việc quản lý điều hành tại Quỹ của Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương được xác định trên cơ sở mức độ hoàn thành nhiệm vụ, hiệu quả hoạt động của Quỹ và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, chi trả.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kiểm soát viên Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

5. Kiểm soát viên có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

d) Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

5. Chế độ hoạt động của Kiểm soát viên; trách nhiệm, quyền hạn; việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Kiểm soát viên với các tổ chức, cá nhân có liên quan; cơ chế tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định này và quy định đối với Kiểm soát viên của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

Điều 14. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm trong các lĩnh vực về tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo thẩm quyền;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh trưởng, phó phòng, ban nghiệp vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

Điều 15. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng quản lý xem xét, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu.

2. Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương có nhiệm vụ giúp Giám đốc điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Hội đồng quản lý quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc

điểm hoạt động của Quỹ sau khi có ý kiến phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan; giúp Giám đốc Quỹ giám sát hoạt động tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Hội đồng quản lý và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm nghề nghiệp về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Ngoài ra, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng phải tuân thủ quy định tại Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 17. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đầu tư phát triển địa phương đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Lĩnh vực đầu tư, cho vay bao gồm: phát triển hạ tầng giao thông; hạ tầng khu công nghiệp; phát triển nông lâm ngư nghiệp; du lịch và bảo vệ môi trường; các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa; các lĩnh vực phát triển khác phù hợp với định hướng và quy hoạch phát triển của địa phương.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 18. Phê duyệt danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu

tu phát triển địa phương

1. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 17 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định về danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

2. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định về danh mục sửa đổi, bổ sung theo quy trình quy định tại Điều 17 và Khoản 1 Điều này.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Điều 19. Nguyên tắc và hình thức đầu tư

1. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để đầu tư không thuộc phạm vi đầu tư công. Hoạt động đầu tư của Quỹ phải tuân thủ quy định của Nghị định này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư bao gồm:

- a) Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế;
- b) Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế;
- c) Đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp, thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với doanh nghiệp mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

b) Góp vốn cùng công ty con để đầu tư thành lập tổ chức kinh tế hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC.

Điều 20. Đối tượng đầu tư

1. Đối tượng đầu tư của Quỹ là các dự án, doanh nghiệp có ngành, nghề

kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

2. Căn cứ vào danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Quỹ lựa chọn, thẩm định, quyết định đầu tư hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư vào các dự án, doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ điều kiện đầu tư quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định này.

Điều 21. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

3. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn góp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính, không hoạt động trong lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc trường hợp Quỹ muốn chuyển nhượng vốn đầu tư thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 22. Đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được đầu tư theo hình thức hợp đồng (hợp đồng đầu tư theo hình thức đối tác công tư - PPP và hợp đồng hợp tác kinh doanh - BCC) hoặc thực hiện dự án đầu tư đối với các công trình, dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

2. Việc đầu tư dự án của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Dự án được đánh giá có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn đầu tư;
- b) Dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này;
- c) Dự án tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương triển khai thực hiện dự án đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định của pháp luật liên quan đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

Điều 23. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định mức vốn đầu tư có giá trị không quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính sáu tháng gần nhất thời điểm thực hiện giải ngân khi đầu tư theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vốn đầu tư có giá trị lớn hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 điều này có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 24. Giới hạn đầu tư

1. Giá trị của khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế theo quy định tại Điều 21 Nghị định này tối đa bằng 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

2. Tổng giá trị các khoản đầu tư theo quy định tại Điều 22 Nghị định này tối đa bằng 50% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn đầu tư.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn đầu tư khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CHO VAY

Điều 25. Đối tượng và điều kiện cho vay

1. Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này;

b) Không là công ty con của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

c) Chủ đầu tư là pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện cho vay:

a) Chủ đầu tư thuộc đối tượng cho vay quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Dự án được Quỹ đầu tư phát triển địa phương thẩm định, đánh giá là dự án có hiệu quả, có khả năng trả được nợ vay;

c) Dự án tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật đầu tư;

d) Chủ đầu tư mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.

Điều 26. Thời hạn cho vay

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của chủ đầu tư nhưng tối đa là 15 năm.

2. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay trên 15 năm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 27. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được xác định theo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất huy động bình quân của các nguồn vốn huy động, có tính đến chi phí cơ hội của nguồn vốn chủ sở hữu, đảm bảo bù đắp chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy định tại Khoản này.

2. Định kỳ 6 (sáu) tháng và hàng năm, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay tối thiểu quy định tại Khoản 1 Điều này và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Giám đốc Quỹ tính toán, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định ban hành mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định và điều chỉnh mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 28. Bảo đảm tiền vay

1. Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ đầu tư phát triển địa phương xem xét, sử dụng các biện pháp đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm tiền vay.

2. Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Quy định về cho vay hợp vốn

1. Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương khác, với tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án.

2. Dự án cho vay hợp vốn phải thuộc đối tượng cho vay của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương tham gia hợp vốn, đồng thời đáp ứng các điều kiện cho vay và giới hạn cho vay theo quy định tại Điều 25 và Điều 31 Nghị định này;

3. Việc cho vay hợp vốn được thực hiện theo hợp đồng ký kết giữa các bên hợp vốn, trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản cho vay, thẩm quyền cho vay, việc xử lý rủi ro theo quy định tại Nghị định này.

4. Lãi suất cho vay do các bên hợp vốn quyết định được ghi trong hợp đồng và không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu của từng Quỹ đầu tư phát triển địa phương tham gia hợp vốn theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

Điều 30. Thẩm quyền quyết định cho vay

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương quyết định đối với giá trị cho vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính sáu tháng tại thời điểm gần nhất.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với giá trị cho vay lớn hơn mức quy định tại Khoản 1 Điều này, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay tại Điều 31 Nghị định này.

Điều 31. Giới hạn cho vay

1. Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

2. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

3. Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

Điều 32. Phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay

Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay theo quy định của pháp luật đối với ngân hàng thương mại.

Điều 33. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương xem xét, quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của chủ đầu tư và kết quả đánh giá của Quỹ về khả năng trả nợ của chủ đầu tư.

a) Trường hợp chủ đầu tư không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay phù hợp với khả năng trả nợ vay của chủ đầu tư theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh; thời hạn cho vay không thay đổi;

b) Trường hợp chủ đầu tư không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận, Quỹ xem xét gia hạn nợ phù hợp với trả nợ vay của chủ đầu tư.

2. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho chủ đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo thời hạn cho vay bao gồm cả cơ cấu nợ không vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

3. Quy trình, thẩm quyền cơ cấu lại thời hạn trả nợ thực hiện theo quy chế cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 34. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Các biện pháp xử lý rủi ro tín dụng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm: khoan nợ, chuyển theo dõi ngoại bảng, xóa nợ gốc, xóa nợ lãi và bán nợ.

2. Các trường hợp xem xét xử lý rủi ro:

a) Chủ đầu tư bị thiệt hại về tài chính, tài sản do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, hỏa hoạn, rủi ro chính trị, chiến tranh gây ra ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (gốc, lãi) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

b) Chủ đầu tư bị phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (gốc, lãi) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

d) Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan khác ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, dẫn đến chủ đầu tư không trả được nợ (gốc, lãi) đúng hạn theo hợp đồng cho vay đã ký.

đ) Chủ đầu tư có khoản nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5) theo kết quả phân loại nợ như quy định đối với ngân hàng thương mại theo quy định tại Điều 32 Nghị định này.

2. Cấp nào quyết định việc cho vay thì có thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xóa nợ gốc, xóa nợ lãi và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi quyết định.

3. Quy trình xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định xử lý rủi ro thực hiện theo quy chế xử lý rủi ro của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Hội đồng quản lý ban hành sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mục 4

HOẠT ĐỘNG NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 35. Nhận ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận ủy thác: quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, từ các quỹ tài chính nhà nước khác.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương nhận ủy thác theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ đầu tư phát triển địa phương);

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác bao gồm: ủy thác cho vay hoặc ủy thác đầu tư;

c) Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có);

g) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng nhiệm vụ của

Quỹ.

Điều 36. Ủy thác

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được ủy thác các hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các Ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác.

2. Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 37. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. Báo cáo tài chính năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cơ chế tiền lương, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định áp dụng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Việc xếp hạng Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

5. Kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế; phần chênh lệch này được phân phối như sau:

a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán.

b) Trích quỹ đầu tư phát triển tối đa 30%.

c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thì không trích nữa.

d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; Trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý. Mức trích cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ) Phần chênh lệch còn lại được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

6. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định việc phân phối chênh lệch thu chi theo quy định tại Khoản 4 Điều này sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi.

Điều 38. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương bao gồm:

a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp, bổ sung cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương để hoạt động theo quy định tại Nghị định này;

b) Quỹ đầu tư phát triển;

c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương chưa được cấp đủ vốn điều lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển hoặc từ ngân sách địa phương.

3. Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định và bố trí nguồn cấp vốn điều lệ cho Quỹ theo quy định của Nghị định này, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp giảm mức vốn điều lệ, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải đảm bảo mức vốn tối thiểu theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

4. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ phù hợp với tính chất hoạt động của Quỹ, Nghị định này và quy định của pháp luật về đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động.

Điều 39. Huy động vốn

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

b) Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ đầu tư phát triển địa phương được nhận các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này tối đa bằng sáu (6) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính sáu tháng tại thời điểm gần nhất.

Điều 40. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương phát hành trái phiếu theo hình thức riêng lẻ tại thị trường trong nước theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.

2. Điều kiện phát hành trái phiếu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Quỹ có thời gian hoạt động tối thiểu từ một (01) năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Quỹ;

b) Quỹ được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá xếp loại hoạt động có hiệu quả năm trước liền kề của năm phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

c) Đảm bảo tuân thủ quy định về nhà đầu tư mua và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ;

d) Có phương án phát hành trái phiếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trong đó nêu cụ thể về mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu và nguồn bố trí trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

đ) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có), trừ trường hợp phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn;

e) Đáp ứng các giới hạn đầu tư, cho vay, huy động vốn theo quy định tại Nghị định này;

3. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu, đối tượng mua và giao dịch trái phiếu, quy trình, hồ sơ, phương án phát hành, phương thức phát hành, việc đăng ký, lưu ký trái phiếu và công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

Điều 41. Vốn nhận ủy thác

Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 35 Nghị định này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 42. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và tài sản.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 32 Nghị định này và trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động đầu tư, dự phòng các khoản phải thu khó đòi theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay và đầu tư được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật.

c) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, Quỹ đầu tư phát triển địa phương xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định để trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch tài chính năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kế hoạch tài chính năm kế hoạch;

b) Trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét có ý kiến đối với kế hoạch tài chính năm để Quỹ đầu tư phát triển địa phương triển khai, thực hiện.

Điều 44. Chế độ báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 45. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Hàng năm, Quỹ đầu tư phát triển địa phương đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác;

b) Chỉ tiêu 2: Tổng số vốn cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và đầu tư;

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư;

d) Chỉ tiêu 4: Chênh lệch thu – chi và tỷ suất chênh lệch thu chi trên vốn chủ sở hữu;

đ) Chỉ tiêu 5: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại Khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu 1, 2, 4, 5 quy định tại Khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ;

c) Do Quỹ phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Đánh giá hiệu quả hoạt động của người quản lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các tiêu chí sau:

a) Kết quả việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

b) Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

c) Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động và các quy chế hoạt động Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Bộ Tài chính hướng dẫn cách thức giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, đánh giá hiệu quả hoạt động người

quản lý của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hoạt động của Quỹ.

Chương V

CƠ CẤU LẠI, GIẢI THỂ QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 46. Cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Điều 45 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các biện pháp sau:

a) Cơ cấu lại bộ máy tổ chức quản trị, điều hành hoạt động, cơ cấu lại hoạt động đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương chưa tuân thủ quy định về tổ chức hoạt động và xếp loại hoạt động chưa hiệu quả.

b) Giải thể các Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc một trong các trường hợp buộc phải giải thể theo quy định tại Điều 47 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê duyệt phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 47. Các trường hợp buộc phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Mức vốn thực góp của chủ sở hữu không đáp ứng quy định về vốn điều lệ tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

b) Tỷ lệ tổng số vốn cho vay và đầu tư (không bao gồm các khoản ủy thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong ba (03) năm liên tiếp.

c) Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% hoặc tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư cao hơn 80% trong ba (03) năm liên tiếp.

d) Lũy kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trong ba (03) năm liên tiếp.

đ) Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã được cơ cấu lại nhưng trong vòng ba (03) năm vẫn hoạt động không đúng quy định của pháp luật hoặc tiếp tục bị đánh giá xếp loại hoạt động chưa hiệu quả theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quy trình giải thể thực hiện theo Điều 49 Nghị định này.

Điều 48. Hội đồng giải thể Quỹ Đầu tư phát triển địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng giải thể để tham mưu cho

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phương án giải thể và tổ chức thực hiện giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng giải thể bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Đại diện Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và Lao động - Thương binh và Xã hội;
- c) Đại diện Lãnh đạo Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại địa phương;
- d) Hội đồng quản lý Quỹ, Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;
- đ) Đại diện của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) theo quyết định của địa phương.

Điều 49. Quy trình giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Trường hợp Quỹ đầu tư phát triển địa phương bị giải thể theo quy định tại Điều 47 Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng giải thể theo quy định tại Điều 48 Nghị định này. Hội đồng giải thể có trách nhiệm xây dựng phương án giải thể, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân thông qua. Phương án giải thể bao gồm các nội dung sau:

- a) Đánh giá của tổ chức kiểm toán độc lập về thực trạng tài chính và xác định giá trị thực của vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, trừ trường hợp Quỹ đã có báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập trong vòng 06 tháng trước thời điểm quyết định giải thể Quỹ.
- b) Phương án thanh lý tài sản, xử lý nguồn vốn điều lệ, các khoản cho vay và đầu tư đang thực hiện và thanh toán các khoản nợ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
- c) Phương án chuyển giao các khoản nhận ủy thác cho các quỹ tài chính nhà nước khác (nếu có).
- d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
- đ) Điều khoản chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Sau khi phương án giải thể được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo các nội dung quy định tại Điều 50 Nghị định này.

3. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực:

a) Quỹ đầu tư phát triển địa phương có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 51 Nghị định này;

b) Hội đồng giải thể có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 52 Nghị định này.

4. Hội đồng giải thể tự động chấm dứt hoạt động khi Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã hoàn tất các thủ tục giải thể theo quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thời gian giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương không quá hai (02) năm kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời gian giải thể nhưng tối đa không quá một (01) năm.

Điều 50. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

1. Quyết định giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Quỹ bị giải thể;

b) Lý do giải thể;

c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Quỹ; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá một (01) năm, kể từ ngày có quyết định giải thể;

d) Thu hồi trước hạn hoặc chuyển giao các khoản cho vay và đầu tư cho một đơn vị chuyên môn tiếp tục theo dõi, thu nợ vốn Quỹ đã cho vay và đầu tư;

đ) Thời hạn chuyển giao các khoản nhận ủy thác, bao gồm các quỹ tài chính nhà nước ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương, thời gian chuyển giao không vượt quá chín mươi (90) ngày làm việc từ ngày có quyết định giải thể;

e) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.

2. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định giải thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và công bố rộng rãi việc giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và Trung ương.

Điều 51. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương sau khi có quyết định giải thể

1. Chấm dứt ngay hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và các hoạt động có liên quan khi quyết định giải thể có hiệu lực.

2. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ khi quyết định giải thể có

hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải thực hiện:

a) Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực;

b) Lập danh sách các khoản tiền gửi của Quỹ tại các tổ chức tín dụng; danh sách nợ phải trả, bao gồm các khoản vốn huy động; danh sách khách hàng cho vay và số nợ gốc, lãi phải thu (chia ra nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi); danh sách các dự án đầu tư, các khoản vốn góp tại tổ chức kinh tế và số vốn phải thu hồi từ các dự án này; danh sách các khoản ủy thác và nhận ủy thác;

c) Gửi văn bản đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của Quỹ.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ khi quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải bàn giao cho Hội đồng giải thể:

a) Báo cáo tài chính, sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến việc giải thể của Quỹ; danh sách các khoản cho vay, đầu tư, các khoản ủy thác và nhận ủy thác của Quỹ;

b) Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (kể cả tài sản chưa thu hồi được).

Điều 52. Trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

1. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Hội đồng giải thể có trách nhiệm:

a) Thu hồi con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ việc giải thể;

b) Tổ chức giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án được duyệt.

c) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc giải thể, Hội đồng giải thể báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương và công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về việc giải thể.

2. Hội đồng giải thể được sử dụng con dấu của Quỹ đầu tư phát triển địa phương để phục vụ công tác giải thể và yêu cầu các cơ quan nhà nước có liên quan hỗ trợ việc thu hồi tài sản.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 53. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

1. Thông qua Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương.
2. Thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.
3. Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.
4. Thực hiện chức năng quản lý, giám sát đối với hoạt động của Quỹ.
5. Thông qua phương án cơ cấu lại, giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ.
2. Xây dựng Đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định này.
3. Quyết định việc thành lập, cơ cấu lại và giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.
4. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ hoặc phương án cơ cấu lại Quỹ đầu tư phát triển địa phương; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo phương án đã được Hội đồng nhân dân thông qua.
5. Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
6. Quyết định mô hình tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, số lượng thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.
7. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.
8. Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua.
9. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ đầu tư phát triển địa

phương trong từng thời kỳ theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

10. Quyết định phê duyệt đầu tư, cho vay theo thẩm quyền quy định tại Nghị định này.

11. Quyết định việc xóa nợ gốc và báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sau khi có quyết định.

12. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

13. Phê duyệt kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

14. Phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi thành năm của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng, trình Chính phủ ban hành cơ chế chính sách về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương; kiểm tra tình hình tuân thủ quy định tại Nghị định này của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương để đánh giá tình hình thực hiện cơ chế chính sách.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này về cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ và việc thực hiện chức năng Quỹ đầu tư phát triển địa phương của HFIC.

Điều 56. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng chính sách, theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay, đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương phù hợp với hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương quy định tại Nghị định này.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020 và thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007.

2. Đối với các Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Quỹ đầu tư phát triển địa phương có vốn điều lệ thực có dưới 300 (ba trăm) tỷ đồng phải bổ sung đủ vốn. Trường hợp không bổ sung đủ vốn điều lệ thì phải giải thể theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 47 Nghị định này.

b) Các dự án cho vay, đầu tư đã được ký kết trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký kết theo giới hạn cho vay, đầu tư quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP cho đến hết thời hạn hợp đồng.

3. Đối với HFIC:

a) Hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn.

b) HFIC thực hiện huy động vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp, trong đó giới hạn huy động vốn thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Nghị định này.

c) Đối với các hoạt động khác, HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

d) HFIC thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, báo cáo và đánh giá hiệu quả hoạt động theo quy định áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn, Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (...b)

Nguyễn Xuân Phúc

TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH

Ý kiến chung	Ý kiến tham gia	Ý kiến của Bộ Tài chính
<p>Ý kiến chung</p>	<p>- Về dự thảo Tờ trình, đề nghị đánh giá tác động chính sách đối với các nội dung mới tại dự thảo Nghị định. Về lãi suất cho vay, đề nghị giải trình về việc quy định thời gian để tính tới thiếu bình quân lãi suất TPCP trong thời gian 5 tháng gần nhất khi tính chi phí cơ hội vốn chủ sở hữu. Về đầu tư dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, đề nghị quy định tiêu chí, quy mô và loại dự án được vay để phù hợp với khả năng cho vay của Quỹ (Bộ KHĐT).</p> <p>- Đối với dự thảo Tờ trình, đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng hoạt động của các Quỹ (về điều kiện cho vay, giới hạn cho vay...), số lượng Quỹ hoạt động hiệu quả/không hiệu quả... để làm cơ sở về sự cần thiết thành lập, duy trì hoạt động của các Quỹ ĐTPĐP. Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tác động và nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại của NĐ 138 và NĐ 37 để làm cơ sở đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật (NHNN).</p> <p>- Đề nghị làm rõ sự cần thiết phải đưa HFIC vào dự thảo NĐ, đồng thời, bổ sung đánh giá tác động chính sách đối với vấn đề nghị đề CP xem xét, quyết định, tránh tình trạng chồng chéo pháp luật liên quan đến HFIC (Bộ Tư pháp).</p> <p>- Đề nghị không quy định về HFIC trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. Theo đó, việc HFIC được tổ chức lại và thực hiện chức năng của Quỹ ĐTPĐP gồm các hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này (Bộ Nội vụ).</p>	<p>- Tại vòng đề xuất xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã đánh giá tác động của chính sách theo quy trình soạn thảo văn bản.</p> <p>- Ngày 03/5/2019, Bộ Tài chính đã có văn bản số 5055/BTC-TCNH trình Thủ tướng Chính phủ cho phép rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung tại Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPĐP. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Bộ, ngành và UBND TP. HCM, ngày 07/10/2019, Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ đã có chỉ đạo: “<i>Bộ Tài chính phối hợp với UBND TP. HCM và các cơ quan liên</i>”</p>

quan rà soát các nội dung liên quan đến hoạt động của HFIC để sửa đổi, bổ sung Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPĐP”.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã phối hợp với UBND TP. HCM rà soát mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ của HFIC. Theo đó, hiện nay, HFIC không tiếp tục thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp trực thuộc UBND TP. HCM mà chỉ thực hiện chức năng Quỹ ĐTPĐP. Trong khi đó, Nghị định số 37 hiện hành đã có quy định về các hoạt động theo chức năng Quỹ ĐTPĐP của HFIC. Vì vậy, kế thừa quy định tại Nghị định số 37, dự thảo Nghị định tiếp tục quy định theo hướng: (i) các hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác theo chức năng Quỹ ĐTPĐP của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này (tương tự như quy định hiện hành tại Nghị định số 37); (ii) các hoạt động khác của HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước. Quy định này tương tự như quy định hiện hành mà HFIC đang triển khai, thực hiện, không

		<p>phát sinh chính sách mới và không phát sinh tác động đến đối tượng quản lý. Do vậy, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định về HFIC như tại dự thảo Nghị định.</p>
<p>Căn cứ ban hành</p>	<p>- Dự thảo ND không căn cứ Luật Đầu tư công, tuy nhiên tại K2Đ6 của dự thảo ND quy định “nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương”. Tại K6Đ5 Luật Đầu tư công quy định “cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách...” là đối tượng đầu tư công. Đề nghị rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý thực hiện Nghị định là Luật Đầu tư công, đồng thời bổ sung thêm quy định về việc cấp vốn điều lệ của Quỹ phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (BỘ KHĐT).</p> <p>- Đề nghị bỏ căn cứ Luật các tổ chức tín dụng vì Quỹ ĐTPĐP không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này (NHNN).</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: “Việc cấp vốn điều lệ cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn” (K2Đ7).</p> <p>- Quỹ ĐTPĐP thực hiện hoạt động cho vay, nhận và xử lý tài sản đảm bảo, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN đối với các tổ chức tín dụng. Do đó, một trong các căn cứ ban hành Nghị định là Luật các tổ chức tín dụng.</p>
<p>Điều 3</p>	<p>- Căn cứ quy định tại Luật QLSDV và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước, đề nghị làm rõ căn cứ pháp lý quy định UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ (K1Đ3 và K1Đ65 dự thảo ND). Đề nghị xác định cụ thể loại hình tổ chức của Quỹ ĐTPĐP là doanh nghiệp nhà nước cho phù hợp, đồng thời đảm bảo thống nhất với quy định tại K2Đ64 dự thảo ND về việc hướng dẫn xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ (BỘ NỘI VỤ).</p>	<p>Khi lấy ý kiến các Bộ, ngành đối với đề xuất xây dựng Nghị định, Bộ Tài chính đã đề xuất hoạt động của Quỹ theo mô hình doanh nghiệp Nhà nước. Tuy nhiên, đa số UBND cấp tỉnh và các Quỹ có ý kiến việc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nhà nước sẽ gây khó khăn cho Quỹ và địa phương khi</p>

	<p>- Về cơ cấu tổ chức của Quỹ, tại Tờ trình đã nêu đề nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ cần rà soát, củng cố phương thức hoạt động của Quỹ phù hợp với cơ chế áp dụng cho công ty TNHH MTV do NN sở hữu 100% vốn. Vì vậy, đề nghị rà soát việc quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp (Bộ KHĐT).</p> <p>- Khoản 1 Điều 3: đề nghị xem lại quy định Quỹ ĐTPĐP là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn trong khi các quy định về hoạt động của Quỹ được thực hiện theo quy định đối với công ty TNHH một thành viên do NN sở hữu 100% vốn điều lệ. Việc quy định này tạo ra sự mâu thuẫn vì nếu hoạt động theo quy định của công ty TNHH MTV do NN sở hữu 100% vốn điều lệ mà không vì mục tiêu lợi nhuận thì khó có thể bảo toàn và phát triển vốn (NHNN).</p>	<p>thực hiện các dự án đầu tư, cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Theo đó, Quỹ khó nhận được hỗ trợ từ UBND cấp tỉnh và các Sở, Ban ngành và khó tiếp cận nguồn vốn đầu tư, giảm hiệu quả đầu tư vốn của Quỹ và không đạt được mục tiêu kinh tế - xã hội mà địa phương đề ra.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của UBND các tỉnh và các Quỹ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ theo hướng Quỹ ĐTPĐP vẫn giữ mô hình Hội đồng quản lý - Kiểm soát viên - Ban điều hành; tuy nhiên, trên cơ sở rà soát quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp Nhà nước, sẽ quy định chặt chẽ về hoạt động và tăng cường quản lý giám sát đối với Quỹ. Chính phủ đã phê duyệt chính sách này tại Nghị quyết số 41/NQ-CP. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định cụ thể về mô hình tổ chức, hoạt động và quản lý giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động theo chính sách đã được Chính phủ phê duyệt.</p>
<p>Điều 8</p>	<p>- Đề nghị sửa cụm từ “Chủ tịch UBND cấp tỉnh” thành UBND tỉnh để thống nhất về thẩm quyền của UBND tỉnh trong việc quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐTPĐP tại Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 8 dự thảo ND (Bộ Nội vụ).</p> <p>- Tại Điểm e Khoản 1, trường hợp Quỹ ĐTPĐP được xác định loại</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p> <p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo</p>

	<p>hình tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, để đảm bảo phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề nghị biên tập lại theo hướng: tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên HĐQT, KSV, GD, PGĐ, KTT của Quỹ ĐTPĐP được thực hiện theo quy định tại ND này và pháp luật có liên quan. Theo đó, đề nghị quy định cụ thể ngay tại dự thảo ND về tiêu chuẩn các chức danh để thống nhất thực hiện trong phạm vi cả nước, đồng thời làm cơ sở để phân cấp thẩm quyền quản lý đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Quỹ cho phù hợp (Bộ Nội vụ).</p> <p>- Về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh của Quỹ ĐTPĐP” đề nghị rà soát, quy định cụ thể về tiêu chuẩn các chức danh (Bộ Ngoại giao).</p>	<p>Nghị định theo hướng quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm các chức danh người quản lý của Quỹ ĐTPĐP.</p>
Điều 9	<p>- Đề nghị bổ sung cụm từ “kiểm toán” tại điểm đ, chỉnh sửa thành: “chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng...” (KTNN)</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p>
Điều 10	<p>- Tại Khoản 1, đề nghị quy định rõ các chức danh quản lý Quỹ ĐTPĐP để làm cơ sở quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh này tại K2Đ10, Điểm h K3Đ11 và Điểm e K3Đ13 (Bộ Nội vụ).</p> <p>- Tại Khoản 2, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “bổ nhiệm, miễn nhiệm” thành “quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu” (Bộ Nội vụ).</p>	<p>- Khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị định đã quy định về các chức danh người quản lý của Quỹ ĐTPĐP. Theo đó, đã dẫn chiếu quy định này với K2Đ2 dự thảo ND.</p> <p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo ND.</p>
Điều 11	<p>- Đề nghị bổ sung quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản lý (Bộ KHĐT).</p> <p>- Tại Điểm h Khoản 1, trên cơ sở làm rõ các chức danh quản lý của Quỹ, đề nghị nghiên cứu, phân cấp rõ thẩm quyền quản lý theo</p>	<p>- Khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT Quỹ, bao gồm cả Chủ tịch và thành viên HĐQT.</p> <p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p>

	<p>hướng: UBND cấp tỉnh chỉ quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch và thành viên HĐQT Quỹ để phù hợp với chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ ĐTPĐP của UBND cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. HĐQT Quỹ sẽ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh quản lý khác của Quỹ (Bộ Nội vụ).</p>	
<p>Điều 12</p>	<p>- Dự thảo ND quy định về trách nhiệm và quyền hạn Kiểm soát viên: đề nghị bổ sung các quy định của kiểm soát viên trong kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ (Bộ KHĐT)</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p>
<p>Điều 15</p>	<p>- Quỹ được chọn hoạt động độc lập hoặc ủy thác. Đề nghị quy định rõ tiêu chí lựa chọn áp dụng phương thức tổ chức điều hành của Quỹ để áp dụng thống nhất (Bộ Tư pháp).</p> <p>- Đề nghị đưa Điều 15 lên trước Điều 6 để làm căn cứ quy định các nội dung từ Điều 6 đến Điều 14 trong trường hợp Quỹ ĐTPĐP được thành lập bộ máy tổ chức quản lý điều hành độc lập tại địa phương theo Điểm a Khoản 1 Điều 15 (Bộ Nội vụ).</p> <p>- Khoản 1 Điều 15, đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn về mô hình tổ chức, hoạt động của Quỹ trong trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác (NHNN).</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng “Căn cứ tình hình thực tế tại từng địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn phương thức tổ chức, hoạt động Quỹ ĐTPĐP...”.</p> <p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p> <p>- Việc ủy thác cho tổ chức tài chính khác tại địa phương quản lý điều hành Quỹ ĐTPĐP phải được thực hiện theo văn bản ủy thác do UBND cấp tỉnh ban hành. Theo đó, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quyết định về mô</p>

	<p>hình tổ chức của Quỹ, có thể có hoặc không tổ chức bộ máy điều hành Quỹ để tinh gọn bộ máy.</p>	
<p>Điều 16</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng Quỹ không được đầu tư vào các doanh nghiệp có liên quan.</p> <p>- Căn cứ vào nhu cầu phát triển ngành, lĩnh vực kinh tế của từng địa phương, UBND cấp tỉnh xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đảm bảo phù hợp với Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn, hàng năm của địa phương và quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn. Việc quy định cụ thể các ngành, lĩnh vực cho các địa phương dẫn đến tình trạng không bao quát được hết các lĩnh vực cần ưu tiên, phát triển; đồng thời, không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế từng thời kỳ của địa phương.</p>	<p>- Đề đảm bảo chặt chẽ trong quản lý hoạt động đầu tư, vốn được giao đề nghị bổ sung quy định về trường hợp đầu tư, góp vốn... với các doanh nghiệp, dự án đầu tư mà người quản lý, người đại diện là các trường hợp có liên quan như: vợ, chồng, con... đến Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ (KTNN).</p> <p>- Đề nghị quy định rõ lĩnh vực Quỹ được phép đầu tư, cho vay vốn làm căn cứ cho địa phương xây dựng danh mục, đảm bảo chặt chẽ trong quản lý, sử dụng vốn, tránh sử dụng vốn sai mục đích (KTNN).</p>
<p>Điều 18</p>	<p>- Việc đầu tư của Quỹ ĐTPĐP không phải hoạt động đầu tư công và không phải là đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp. Việc sử dụng vốn và tài sản của Quỹ ĐTPĐP để đầu tư tương tự</p>	<p>- Quỹ ĐTPĐP lựa chọn các hình thức đầu tư: đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phân vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư. Trong khi đó, Luật QLSDV và các văn bản hướng dẫn đã quy định chặt chẽ về ngành, lĩnh vực, điều kiện, thủ tục đầu tư vốn nhà</p>

	<p>nước thành lập doanh nghiệp. Như vậy, nếu Quỹ được thực hiện các hoạt động đầu tư thì cần có cơ chế quản lý như các doanh nghiệp nhà nước khác để tạo mặt bằng pháp lý thống nhất, nếu không có thể dẫn đến tình trạng các địa phương lạm dụng, thông qua việc thành lập Quỹ để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về QLSDV. Hiện nay, K2Đ18 dự thảo Nghị định chỉ quy định việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo các quy định của ND này và pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng” là chưa đầy đủ, rõ ràng cho vấn đề này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định về vấn đề này cho phù hợp (Bộ Tư pháp).</p>	<p>như hoạt động đầu tư vốn của doanh nghiệp nhà nước ra ngoài doanh nghiệp và phải tuân thủ theo quy định của Nghị định này, quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan. Theo đó, Bộ Tài chính đã tiếp thu và làm rõ nội dung này tại Điều 19 dự thảo Nghị định.</p>
<p>Điều 20</p>	<p>- Cần bổ sung quy định về nguyên tắc chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần... phải được thực hiện qua hình thức đấu giá công khai để đảm bảo chặt chẽ và tránh thất thoát vốn nhà nước (KTNN).</p>	<p>- K2Đ21 dự thảo ND quy định Quỹ ĐTPTEP quản lý, chuyển nhượng phần vốn góp tại các tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật đầu tư và quy định về việc quản lý vốn và phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước. Quy định này là đảm bảo chặt chẽ và phù hợp với thực tế triển khai.</p>
<p>Điều 22</p>	<p>- Đề nghị bổ sung thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư của UBND tỉnh (mới quy định thẩm quyền góp vốn) (KTNN).</p>	<p>- Khoản 2 Điều 23 dự thảo ND đã quy định về thẩm quyền quyết định đầu tư, chuyển nhượng dự án, vốn góp của UBND cấp tỉnh.</p>
<p>Điều 23</p>	<p>- Đề nghị bổ sung giới hạn vốn đầu tư trong trường hợp Quỹ vừa đầu tư góp vốn để thành lập doanh nghiệp, vừa đầu tư thực hiện dự án do chính các doanh nghiệp đó thực hiện (KTNN).</p>	<p>- Đã bổ sung quy định không cho phép Quỹ góp vốn cùng công ty con, công ty có vốn liên kết của Quỹ để đầu tư tại Điểm b Khoản 3 Điều 19.</p>
<p>Điều 25</p>	<p>- Đề nghị chỉnh sửa nội dung này theo hướng: “thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Thẩm quyền quyết định thời hạn cho</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p>

	<p>vay: Quỹ ĐTPTĐP xem xét, quyết định cho vay đối với từng dự án tối đa không quá 15 năm; UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định cho vay đối với dự án trên 15 năm” (NHNN).</p>	
Điều 26	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 1 đề đảm bảo sự chặt chẽ và phù hợp thực tiễn đề nghị quy định lãi suất cho vay tối thiểu căn cứ lãi suất ưu đãi của ngân hàng thương mại (cho vay trung hạn, dài hạn, huy động...). Vì quy định tại dự thảo việc xác định “chi phí khác” trong cơ cấu lãi suất cho vay tối thiểu rất khó xác định cho từng dự án (KTNN). - Đề nghị bổ sung quy định về lãi suất trả chậm đối với trường hợp các dự án thanh toán chậm so với thời hạn hợp đồng quy định (KTNN). 	<ul style="list-style-type: none"> - Các NHHTM cho vay với mức lãi suất đủ để thu được lợi nhuận. Trong khi đó, Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nên việc sử dụng lãi suất cho vay của các NHHTM là không phù hợp. - Mức lãi suất trả chậm thực hiện theo Quy chế cho vay của Quỹ.
Điều 27	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 27 đề nghị sửa đổi theo hướng: “Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật” (NHNN). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Điều 28	<ul style="list-style-type: none"> - Tại khoản 1 đề nghị bỏ cụm từ “tổ chức tín dụng” vì theo quy định tại K6, 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của NHNN, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện cấp tín dụng hợp vốn với tổ chức tín dụng khác, không thực hiện cấp tín dụng hợp vốn với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (NHNN). 	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 6 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng quy định các TCTD được hợp vốn theo quy định của NHNN. Thông tư của NHNN chỉ hướng dẫn về việc hợp vốn giữa các TCTD với nhau. Quy định tại dự thảo NEĐ bổ sung việc hợp vốn giữa các TCTD và Quỹ ĐTPTĐP là phù hợp về thẩm quyền. Đây là quy định được kế thừa từ Nghị định 37 và không phát sinh vướng mắc trong triển khai, thực hiện.
Điều 30	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Khoản 1, đề nghị bỏ cụm từ “tại thời điểm giải ngân” để đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của các dự án vay vốn được giải ngân nhiều lần (NHNN). 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về giới hạn cho vay tại thời điểm giải ngân là phù hợp trong triển khai và thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.
Điều 32	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm b Khoản 1 đề nghị biên tập lại đoạn “Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định này được dự thảo theo quy định về hoạt động cho vay của các

	nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Quỹ” do không rõ nghĩa. Đề nghị bổ sung chế tài đối với trường hợp chủ đầu tư chậm trả nợ đến hạn (KTNN).	TCTD tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.
Điều 33	- Tại Khoản 1 Điều 33, đề nghị xem lại nội dung về nhận ủy thác của Quỹ nhằm thống nhất với quy định tại Khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định (NHNN).	- Đã rà soát, hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Điều 34	- Đề nghị bổ cụm từ “và thu hồi nợ” vì thu hồi nợ là một khâu trong quá trình cho vay; đề nghị bổ sung nội dung: “Quỹ ĐTPĐDP được ủy thác cho các TCTD cho vay theo quy định của NHNN và nhận ủy thác của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài” (NHNN).	- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.
Điều 35	<p>- Điểm a Khoản 2, đề nghị bỏ quy định “Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh” vì theo quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, đối tượng được vay vốn nước ngoài là tổ chức không bao gồm các quỹ tài chính (NHNN).</p> <p>- Điểm c Khoản 2, đề nghị bỏ đoạn “các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ” vì đây không phải hoạt động huy động vốn, ngoài ra phạm vi hoạt động của Quỹ không quy định các hoạt động này (NHNN).</p> <p>- Khoản 3 đề nghị xem xét việc Quỹ được huy động nguồn vốn quá lớn (gấp 6 lần vốn chủ sở hữu) như tại dự thảo ND vì Quỹ ĐTPĐDP hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, lãi suất của Quỹ là mức lãi suất ưu đãi, hỗ trợ. Tuy nhiên, Quỹ huy động vốn dưới hình thức vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước – là hoạt động thương mại, nên quy định này chưa hợp lý. Ngoài ra, trường hợp Quỹ yếu kém về tổ chức và hoạt động thì quy định này có thể gây ra rủi ro cho các Quỹ (NHNN).</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: “Quỹ ĐTPĐDP nhận các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan”.</p> <p>- Đây là quy định kế thừa từ ND 138, không phải là chính sách mới. Chức năng, nhiệm vụ chính của Quỹ ĐTPĐDP là đầu tư, cho vay cho mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển của địa phương. Do đó, mức giới hạn huy động vốn của Quỹ là phù hợp. Trong quá trình triển khai, thực</p>

	<p>hiện không phát sinh vướng mắc đối với quy định này.</p>	<p>hiện không phát sinh vướng mắc đối với quy định này.</p>
<p>Điều 36</p>	<p>- Đề nghị xem xét lại cơ sở của quy định “Vốn nhân rồi của Quỹ ĐTPĐP có thể sử dụng để mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng...” vì” (i) theo quy định hiện hành, chỉ có cá nhân được gửi tiền tiết kiệm tại các TCTD; (ii) quy định như dự thảo không phù hợp với phạm vi hoạt động của Quỹ; (iii) dự thảo ND không quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ trong việc sử dụng vốn nhân rồi (Điều 9 dự thảo ND) (NHNN).</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: Vốn nhân rồi của Quỹ ĐTPĐP có thể sử dụng để mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, gửi tiết kiệm-tại các tổ chức tín dụng thuộc danh sách các tổ chức tín dụng được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt trong từng thời kỳ theo nguyên tắc bảo toàn, phát triển vốn.</p>
<p>Điều 40</p>	<p>- Điểm c Khoản 3: đề nghị bổ sung mức trích tối đa quỹ thưởng của người quản lý (KTNN). - Điểm d Khoản 3: đề nghị bổ sung quy định việc nộp chênh lệch thu chi còn lại trong trường hợp Quỹ đã đủ vốn điều lệ theo quyết định được phê duyệt (KTNN).</p>	<p>- Đã tiếp thu và bổ sung tại dự thảo Nghị định. - Đã tiếp thu và bổ sung tại dự thảo Nghị định.</p>
<p>Điều 42</p>	<p>- Đề nghị xem xét bổ sung quy định tại điểm 2 trong trường hợp Quỹ đã được cấp, hoặc bổ sung đủ vốn điều lệ (KTNN). - Khoản 3: đề nghị xem lại và cân nhắc việc sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Quỹ ĐTPĐP có đóng góp nhiều cho hoạt động của Quỹ ĐTPĐP do nội dung này còn chung chung, chưa rõ ràng (NHNN). - Đề nghị bổ sung quy định tuân thủ việc thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm của KTNN (KTNN).</p>	<p>- Dự thảo Nghị định đã bổ sung theo hướng trường hợp Quỹ đã được cấp đủ số vốn điều lệ thì dừng trích quỹ đầu tư phát triển. - Tương tự như quy định đối với doanh nghiệp nhà nước tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP.</p>
<p>Điều 43</p>	<p>- Đề nghị bổ sung thêm quy định về công khai thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay để đảm bảo tính minh bạch,</p>	<p>- Đã rà soát, bổ sung về việc thực hiện kiểm toán theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
<p>Điều 46</p>		<p>- Chế độ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 47 dự thảo Nghị định đã được</p>

	<p>tạo thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của các đơn vị này (Bộ Tư pháp).</p>	<p>hoàn thiện trên cơ sở rà soát quy định về công khai thông tin của DNNN. Do công thông tin điện tử về DNNN của Bộ KHĐT chỉ kê khai thông tin đối với doanh nghiệp nên thông tin của Quỹ ĐTPĐP được gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.</p>
<p>Điều 47</p>	<p>- Khoản 2: đề nghị bỏ trách nhiệm này của NHNN vì không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của NHNN quy định tại Khoản 3 Điều 52 Luật NHNN (NHNN).</p>	<p>- Về trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN, tiếp thu ý kiến của NHNN, dự thảo Nghị định không quy định chức năng của NHNN trong việc tranh tra, kiểm tra hoạt động của Quỹ ĐTPĐP mà giao UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý, giám sát trong tự như trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp nhà nước. NHNN thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng có liên quan đến hoạt động cho vay của Quỹ.</p>
<p>Điều 58</p>	<p>- Đề nghị cân nhắc tính khả thi khi quy định trong vòng 1 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ phải khóa sổ kế toán, kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực... Thời hạn 1 ngày làm việc là quá ngắn để thực hiện tất cả các hoạt động này (Bộ Tư pháp).</p>	<p>- Đã tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.</p>
<p>Điều 60 và Điều 61</p>	<p>- Về trách nhiệm của HĐND, UBND: + Đề nghị rà soát các nội dung quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của HĐND, UBND cấp tỉnh đối với các hoạt động của Quỹ ĐTPĐP: đầu tư, cho vay... đảm bảo theo đúng quy định của Luật</p>	<p>- Đã rà soát và tiếp thu tại Điều 62 dự thảo Nghị định.</p>

Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật NSNN và các Luật có liên quan.
+ Đề nghị bỏ Khoản 7 Điều 61 để thực hiện thống nhất theo quy định tại NEĐ sau khi được CP ban hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.
+ Đề nghị bổ sung một điều quy định rõ trách nhiệm của UBND cấp tỉnh; mối quan hệ giữa UBND cấp tỉnh, Quỹ ĐTPĐP và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khi UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ (**Bộ Nội vụ**).

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1238 /BNV-TCPCP

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính về tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Trên cơ sở nội dung giải trình tại Điểm 2.5 Khoản 2 Mục II Tờ trình về việc ban hành dự thảo Nghị định, đề nghị không quy định về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC) trong phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định. Theo đó, việc HFIC được tổ chức lại và thực hiện chức năng của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐPTĐP) gồm các hoạt động cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác sẽ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Quỹ ĐPTĐP (Điều 3)

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2019/NĐ-CP), đề nghị Bộ Tài chính làm rõ căn cứ pháp lý quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ (Khoản 1 Điều 3 và Khoản 1 Điều 65 dự thảo Nghị định). Theo đó, đề nghị xác định cụ thể loại hình tổ chức của Quỹ ĐPTĐP là doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) cho phù hợp; đồng thời bảo đảm thống nhất với quy định tại Khoản 2 Điều 64 dự thảo Nghị định về việc hướng dẫn xếp hạng doanh nghiệp đối với Quỹ.

3. Về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐPTĐP (Điều 8)

- Tại Khoản 1, đề nghị biên tập cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" thành "Ủy ban nhân dân tỉnh" để thống nhất về thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ĐPTĐP tại Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định.

- Tại Điểm e Khoản 1: Trường hợp Quỹ ĐTPPTĐP được xác định loại hình tổ chức là doanh nghiệp nhà nước, để bảo đảm phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, đề nghị biên tập lại theo hướng: Tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ ĐTPPTĐP được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Theo đó, đề nghị quy định cụ thể ngay tại dự thảo Nghị định về tiêu chuẩn đối với các chức danh: Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ ĐTPPTĐP để thống nhất thực hiện trong phạm vi cả nước, đồng thời làm cơ sở để phân cấp thẩm quyền quản lý đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý Quỹ cho phù hợp.

4. Về cơ cấu tổ chức của Quỹ ĐTPPTĐP (Điều 10)

- Tại Khoản 1, đề nghị quy định rõ các chức danh quản lý Quỹ ĐTPPTĐP để làm cơ sở quy định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh này tại Khoản 2 Điều 10, Điểm h Khoản 3 Điều 11 và Điểm e Khoản 3 Điều 13.

- Tại Khoản 2, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “bổ nhiệm, miễn nhiệm” thành “quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu”.

5. Về Hội đồng quản lý (Điều 11)

- Tại Điểm d Khoản 1, đề nghị chỉnh sửa lại Điều 24 thành Điều 26 cho phù hợp.

- Tại Điểm h Khoản 1, trên cơ sở làm rõ các chức danh quản lý của Quỹ ĐTPPTĐP (nội dung góp ý thứ 4 tại văn bản này), đề nghị nghiên cứu, phân cấp rõ thẩm quyền quản lý theo hướng: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ để phù hợp với thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ ĐTPPTĐP của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định số 10/2019/NĐ-CP. Hội đồng Quản lý Quỹ sẽ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh quản lý khác của Quỹ.

6. Về tổ chức điều hành hoạt động Quỹ ĐTPPTĐP (Điều 15)

Đề nghị biên tập Điều 15 lên trước Điều 6 để làm căn cứ quy định các nội dung từ Điều 6 đến Điều 14 trong trường hợp Quỹ ĐTPPTĐP được thành lập bộ máy tổ chức quản lý điều hành độc lập tại địa phương theo Điểm a Khoản 1 Điều 15.

7. Về tổ chức thực hiện (Chương VII)

- Về trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Điều 60, Điều 61)

+ Đề nghị rà soát các nội dung quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các hoạt động của Quỹ ĐTP TĐP: đầu tư, cho vay ..., bảo đảm theo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Luật Ngân sách Nhà nước và các luật có liên quan.

+ Đề nghị rà soát, biên tập lại trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại các Khoản 5, Khoản 6, Khoản 12 cho thống nhất với quy định tại Điều 7, Điều 8 dự thảo Nghị định.

+ Đề nghị bỏ Khoản 7 Điều 61 để thực hiện thống nhất theo quy định tại Nghị định sau khi được Chính phủ ban hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

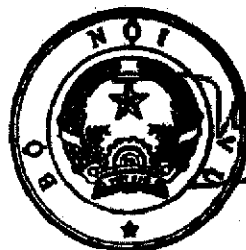
- Đề nghị bổ sung một điều quy định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Quỹ ĐTP TĐP và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

Trên đây là ý kiến tham gia góp ý của Bộ Nội vụ gửi Bộ Tài chính nghiên cứu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu: VT, TCPCP, PCH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Ký bởi: Bộ Nội vụ
Email: bonoiVu@moha.gov.vn
Cơ quan: Bộ Nội vụ
Ngày ký: 11-03-2020 16:46:36 +07:00

Trần Anh Tuấn

Đã chuyển ban DT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1658/BKHĐT-TCTT

V/v lấy ý kiến đối với dự thảo
Nghị định về tổ chức và hoạt động
của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2020

ĐẾN Số:.....2.3.2.36.....
Ngày: 18-03-2020
Chuyên: Ly TCNH
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình:

- Đề nghị Bộ Tài chính đánh giá cụ thể tác động của việc thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật đối với hoạt động của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương, theo đó, đề xuất các nội dung thay đổi cụ thể tại dự thảo Nghị định so với Nghị định 138/2007/NĐ-CP và Nghị định 37/2013/NĐ-CP. Bên cạnh đó, đối với các quy định mới trong dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động đề nghị Bộ Tài chính có báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với các nội dung này.

- Về lãi suất cho vay: Đề nghị Bộ Tài chính giải trình về việc quy định thời gian để tính tối thiểu bình quân lãi suất trái phiếu Chính phủ trong thời gian 5 tháng gần nhất khi tính chi phí cơ hội vốn chủ sở hữu.

- Về đầu tư dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, đề nghị quy định tiêu chí, quy mô và loại dự án được vay để phù hợp với khả năng cho vay của Quỹ.

2. Về dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

- Dự thảo Nghị định không căn cứ Luật Đầu tư công, tuy nhiên tại Khoản 2, Điều 6 của dự thảo Nghị định quy định "*nguồn cấp vốn điều lệ của Quỹ đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương*". Tại Khoản 6 Điều 5 Luật Đầu tư công quy định "*cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách...*" là đối tượng đầu tư công. Do đó, đề nghị Bộ Tài chính rà soát, bổ sung căn cứ pháp lý thực hiện Nghị định là Luật Đầu tư công, đồng thời bổ sung thêm quy định về việc cấp vốn điều lệ của Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

- Điều 10 dự thảo Nghị định về cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương: Tại Tờ trình Bộ Tài chính đã nêu để nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ cần rà soát, củng cố phương thức hoạt động của Quỹ phù hợp với cơ chế áp dụng cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính rà soát việc quy định cơ cấu tổ chức của Quỹ đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp.


- Tại Điều 11 dự thảo Nghị định quy định về Hội đồng quản lý đề nghị bổ sung quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản lý.

- Tại Điều 12 dự thảo Nghị định quy định về trách nhiệm và quyền hạn Kiểm soát viên: đề nghị bổ sung các quy định của kiểm soát viên trong kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo./. *Q*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ TH, KTĐPLT;
- Lưu VT, Vụ TCTT *A3*


KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG
Phung.
Trần Quốc Phương

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 319 /KTNN -CD

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0023775
Ngày:	19-03-2020
Chuyên:	VỤ TCNH
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 2115/BTC-TCNH ngày 27/02/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương do Bộ Tài chính soạn thảo. Sau khi nghiên cứu, Kiểm toán nhà nước tham gia ý kiến như sau:

(1). Điều 9. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Đề nghị bổ sung cụm từ "kiểm toán" tại điểm đ, chỉnh sửa thành: "Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng..."

(2). Điều 11. Hội đồng quản lý quỹ

Đề nghị rà soát lại điều khoản dẫn chiếu về lãi suất cho vay tối thiểu tại điểm d khoản 3 (Dự thảo dẫn chiếu Điều 24, tuy nhiên Điều 26 mới quy định về nội dung này).

(3). Chương III, Mục 2. Hoạt động đầu tư

Để đảm bảo chặt chẽ trong quản lý hoạt động đầu tư, vốn được giao đề nghị bổ sung quy định về trường hợp đầu tư, góp vốn... với các doanh nghiệp, dự án đầu tư mà người quản lý, người đại diện là các trường hợp có liên quan như: vợ, chồng, con... đến Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng của Quỹ.

(4) Điều 16. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Đề nghị Nghị định quy định rõ lĩnh vực Quỹ được phép đầu tư, cho vay vốn làm căn cứ cho địa phương xây dựng danh mục, đảm bảo chặt chẽ trong quản lý, sử dụng vốn, tránh sử dụng vốn sai mục đích.

(5) Điều 20. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần góp vốn của tổ chức kinh tế

Cần bổ sung quy định về nguyên tắc chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần... phải được thực hiện qua hình thức đấu giá công khai để đảm bảo chặt chẽ và tránh thất thoát vốn nhà nước.

(6) Điều 22. Thẩm quyền quyết định và chuyển nhượng dự án đầu tư

Điểm 2 Đề nghị bổ sung thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án đầu tư của UBND tỉnh (mới quy định thẩm quyền góp vốn)

(7) Điều 23. Giới hạn đầu tư

Đề nghị bổ sung giới hạn vốn đầu tư trong trường hợp Quỹ vừa đầu tư góp vốn để thành lập doanh nghiệp, vừa đầu tư thực hiện dự án do chính các doanh nghiệp đó thực hiện.

(8). Điều 26. Lãi suất cho vay

- *Khoản 1 để đảm bảo sự chặt chẽ và phù hợp thực tiễn đề nghị quy định lãi suất cho vay tối thiểu căn cứ lãi suất ưu đãi của ngân hàng thương mại (cho vay trung hạn, dài hạn, huy động...). Vì quy định tại dự thảo việc xác định "chi phí khác" trong cơ cấu lãi suất cho vay tối thiểu rất khó xác định cho từng dự án.*

- *Đề nghị bổ sung quy định về lãi suất trả chậm đối với trường hợp các dự án thanh toán chậm so với thời hạn hợp đồng quy định.*

(9) Điều 32. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro

Điểm b khoản 1 đề nghị biên tập lại đoạn "Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Quỹ, thì chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho quỹ" do không rõ nghĩa. Đề nghị bổ sung chế tài đối với trường hợp chủ đầu tư chậm trả nợ đến hạn.

(10) Điều 40. Chênh lệch thu chi

- *Điểm c khoản 3: Đề nghị bổ sung mức trích tối đa quỹ thường của người quản lý.*

- *Điểm d khoản 3: Đề nghị bổ sung quy định việc nộp chênh lệch thu chi còn lại trong trường hợp Quỹ đã đủ vốn điều lệ theo quyết định được phê duyệt.*

(11) Điều 42. Quản lý và sử dụng các quỹ

Đề nghị xem xét bổ sung quy định tại điểm 2 trong trường hợp Quỹ đã được cấp, hoặc bổ sung đủ vốn điều lệ.

(12) Điều 43. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

Đề nghị bổ sung quy định tuân thủ việc thực hiện kiểm toán theo kế hoạch kiểm toán hàng năm của KTTN.

(13) Điều 54. Các trường hợp buộc phải giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Đề nghị rà soát lại dẫn chiếu điều khoản văn bản về quy trình giải thể tại điểm 2 (Dự thảo dẫn chiếu Điều 58; tuy nhiên Điều 56 mới quy định nội dung này).

Kiểm toán nhà nước trân trọng gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét quyết định././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng KTNN;
- Lưu: VT, Vụ CĐ & KSCLKT.

TL.TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỤ TRƯỞNG VỤ CĐ&KSCLKT



Số: 303 /BNG-LPQT

V/v góp ý dự thảo Nghị định về tổ chức
và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển
địa phương

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc Công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16/01/2020 của Quý Bộ đề nghị góp ý dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPTĐP) thay thế Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP, Bộ Ngoại giao có ý kiến như sau:

1. Về sự cần thiết ban hành

Bộ Ngoại giao nhất trí với việc xây dựng Nghị định nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP; đồng thời đảm bảo phù hợp với quy định có liên quan được ban hành thời gian qua như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

2. Về dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị định

Bộ Ngoại giao cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình và có một số ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị định như sau:

a) Đề nghị điều chỉnh lại cách diễn đạt của khoản 1, Điều 5 như sau “Quỹ đầu tư phát triển địa phương là tổ chức tài chính Nhà nước của địa phương, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, ~~không vì mục tiêu lợi nhuận~~, bảo toàn và phát triển vốn, *không vì mục tiêu lợi nhuận*” để đảm bảo thống nhất trong cách hiểu.

b) Đề nghị rà soát để bảo đảm thống nhất giữa các quy định về tiêu chuẩn các chức danh của Quỹ ĐTPTĐP. Điểm d, khoản 1, Điều 7 và điểm e, khoản 1, Điều 8 quy định tiêu chuẩn các chức danh căn cứ theo Nghị định trong khi đó khoản 2, Điều 11 và khoản 2, Điều 13 lại quy định tiêu chuẩn các chức danh theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Ngoài ra, dự thảo Nghị định hiện nay cũng chưa có điều khoản quy định cụ thể về tiêu chuẩn các chức danh, ngoại trừ chức danh Kế toán trưởng (điểm b, khoản 2, Điều 14).

Bộ Ngoại giao xin trao đổi để Quý Bộ tham khảo, tổng hợp. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Ngoại vụ;
- Vụ THKT;
- Lưu: HC, LPQT (Trung).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Lê Hoài Trung

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
CÔNG TTĐT CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162 /TTĐT-DLĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020

V/v Góp ý dự thảo văn bản quy
phạm pháp luật.

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 0023910
Ngày:	19-03-2020
Chuyên:	V. T. 20/17
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 trong đó có quy định về việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ,

Sau khi nhận được từ Bộ Tài chính dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã đăng toàn văn nội dung dự thảo trên để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cả trong và ngoài nước trong 60 ngày theo quy định.

Sau 60 ngày đăng tải, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ không nhận được ý kiến góp ý nào của công dân, tổ chức đối với dự thảo do quý cơ quan chủ trì soạn thảo. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP: BTCN (để b/c),
các Vụ: KTTH, PL;
- TGD;
- Lưu: VT, DLĐT. PH

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vi Quang Đạo

1292



Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Email: vanphong@sbv.gov.vn
Cơ quan: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Ngày ký: 03.03.2020 16:01:01 +07:00

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1334/NHNN-TD

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2020

V/v góp ý dự thảo Nghị định về tổ chức
và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển
địa phương

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính về việc góp ý dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Quỹ ĐTPT địa phương), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

1. Đối với dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ

- Điểm 1.1 Mục I: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá thực trạng hoạt động của các Quỹ (về điều kiện cho vay, giới hạn cho vay...), số lượng Quỹ hoạt động hiệu quả/không hiệu quả... để làm cơ sở về sự cần thiết thành lập, duy trì hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương.

- Điểm 1.2 Mục II: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tác động và nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 và Nghị định 37/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 để làm cơ sở đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối với dự thảo Nghị định

- **Căn cứ ban hành:** Đề nghị bỏ căn cứ Luật các tổ chức tín dụng vì Quỹ ĐTPT địa phương không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

- **Khoản 1 Điều 3:** Đề nghị xem lại quy định Quỹ ĐTPT địa phương là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn trong khi các quy định về hoạt động của Quỹ được thực hiện theo quy định đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Việc quy định này tạo ra sự mâu thuẫn vì nếu hoạt động theo quy định của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ mà không vì mục tiêu lợi nhuận thì khó có thể bảo toàn và phát triển vốn.

- **Khoản 1 Điều 15:** Đề nghị có hướng dẫn cụ thể hơn về mô hình tổ chức, hoạt động của Quỹ trong trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác.

- **Khoản 1 Điều 25:** Đề nghị chỉnh sửa nội dung này theo hướng: "Thời hạn cho vay được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn của từng dự án và khả năng trả nợ của chủ đầu tư. Thẩm quyền quyết định thời hạn cho vay: Quỹ ĐTPT địa phương xem xét quyết định cho vay đối với dự án tối đa không quá 15 năm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định cho vay đối với dự án trên 15 năm".

- **Khoản 2 Điều 27:** Đề nghị sửa đổi nội dung này theo hướng: "Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật".

- **Khoản 1 Điều 28:** Đề nghị bỏ cụm từ "tổ chức tín dụng" vì theo quy định tại khoản 6, 7 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện cấp tín dụng hợp vốn với tổ chức tín dụng khác, không thực hiện cấp tín dụng hợp vốn với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

- **Khoản 1 Điều 30:** Đề nghị bỏ cụm từ "tại thời điểm giải ngân" để đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của các dự án vay vốn được giải ngân nhiều lần.

- **Khoản 1 Điều 33:** Đề nghị xem lại nội dung về nhận ủy thác của Quỹ nhằm thống nhất với quy định tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định.

- **Điều 34:**

+ Đề nghị bỏ cụm từ "và thu hồi nợ" vì thu hồi nợ là một khâu trong quá trình cho vay.

+ Đề nghị bổ sung nội dung: "*Quỹ ĐTPT địa phương được ủy thác cho các tổ chức tín dụng cho vay theo quy định của NHNN về nhận ủy thác của TCTD, chi nhánh NH nước ngoài*".

- **Điều 35:**

+ Điểm a khoản 2: Đề nghị bỏ quy định "*Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh*" vì theo quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, đối tượng được vay nước ngoài là tổ chức không bao gồm các quỹ tài chính.

+ Điểm c khoản 2: Đề nghị bỏ đoạn "*các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ*" vì đây không phải hoạt động huy động vốn; ngoài ra phạm vi hoạt động của Quỹ không quy định các hoạt động này.

+ Khoản 3: Đề nghị xem xét việc quy định Quỹ được huy động nguồn vốn quá lớn (gấp 6 lần vốn chủ sở hữu) như tại dự thảo Nghị định vì: Quỹ ĐTPT địa phương hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, lãi suất của Quỹ là mức lãi suất ưu đãi, hỗ trợ. Tuy nhiên, Quỹ huy động vốn dưới hình thức vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước - là hoạt động thương mại, nên quy định này chưa hợp lý. Ngoài ra, trường hợp Quỹ yếu kém về tổ chức và hoạt động thì quy định này có thể gây rủi ro cho các Quỹ.

- **Điều 36:** Đề nghị xem xét lại cơ sở của quy định này. Quỹ ĐTPT địa phương hoạt động theo mô hình quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, không phải là doanh nghiệp, do vậy, theo quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương tại Nghị định 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018, tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- **Khoản 3 Điều 39:** Đề nghị xem xét lại quy định "*Vốn nhàn rỗi của Quỹ ĐTPT địa phương có thể sử dụng để mua công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, gửi tiết kiệm tại các tổ chức tín dụng...*" vì: (i) Theo quy định hiện hành, chỉ có cá nhân được gửi tiền tiết kiệm tại các TCTD; (ii) Quy định như dự thảo không phù hợp với phạm vi hoạt động của Quỹ (tại Điều 4 dự thảo Nghị định); (iii)

Dự thảo Nghị định không quy định cụ thể trách nhiệm, quyền hạn của Quỹ trong việc sử dụng vốn nhân rồi (Điều 9 dự thảo Nghị định).

- **Khoản 3 Điều 42:** Đề nghị xem lại và cân nhắc việc sử dụng quỹ khen thưởng để thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Quỹ ĐTPT địa phương có đóng góp nhiều cho hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương do nội dung này còn chung chung, chưa rõ ràng.

- **Khoản 2 Điều 47 và khoản 1 Điều 63:** Đề nghị bỏ trách nhiệm này của Ngân hàng Nhà nước vì không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 3 Điều 52 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Đề nghị quy định thống nhất trong toàn văn bản của Nghị định về việc các hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương theo "công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ" thay cho quy định đối với "doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ".

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. / *cm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTD Đào Minh Tú;
- Vụ PC, Vụ CSTT, CQTGSNH (để p/h);
- Lưu VP, VTD (3). *uc*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



Bộ Tư
pháp
28.02.202
0 16:28:10
07:00

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **659/BTP-PLDSKT**

V/v góp ý dự thảo Nghị định
quy định về tổ chức và hoạt động của
Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 565/BTC-TCNH ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Theo yêu cầu tại Công văn số 17375/BTC-TCNH ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 22/01/2018 về thẩm định đề nghị xây dựng Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát tổng thể dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua; nghiên cứu thêm Báo cáo số 23/BC-BTP của Bộ Tư pháp về thẩm định dự thảo đề nghị xây dựng Nghị định để hoàn thiện dự thảo Nghị định nhằm bảo đảm dự thảo Nghị định thể chế hóa đầy đủ các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua.

2. Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã bám sát các chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị định nêu tại Tờ trình số 178/TTr-BTC ngày 21/12/2018 của Bộ Tài chính đã được thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ. Tuy nhiên, Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý thêm một số vấn đề sau đây:

a) Dự thảo văn bản hiện có tên là "*Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương*". Tuy nhiên, Điều 1 dự thảo Nghị định lại quy định phạm vi điều chỉnh là "*Nghị định này quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương do tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập (sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư phát triển địa phương) và hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là HFIC)*".

là không thống nhất với tên Nghị định. Trong khi đó, các chính sách nêu tại Tờ trình số 178/TTr-BTC ngày 21/12/2018 của Bộ Tài chính đã được thông qua tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 14/6/2019 của Chính phủ không nêu chính sách quy định về hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, điểm a khoản 3 Điều 65 dự thảo Nghị định quy định đối với HFIC "*Hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư, ủy thác và nhận ủy thác của HFIC thực hiện theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Đối với các hoạt động khác, HFIC thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn*" là không phù hợp. HFIC là một doanh nghiệp nhà nước nên toàn bộ các hoạt động huy động vốn, đầu tư của HFIC phải tuân thủ theo quy định của Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành. Vì vậy, đề nghị Bộ Tài chính làm rõ vấn đề này trong Tờ trình dự thảo Nghị định, thuyết minh sự cần thiết phải đưa HFIC vào điều chỉnh trong Nghị định này, đồng thời, bổ sung đánh giá tác động chính sách đối với vấn đề này để Chính phủ xem xét, quyết định, tránh tình trạng chồng chéo pháp luật liên quan đến HFIC.

b) Theo quy định tại Điều 15 dự thảo Nghị định, Quỹ đầu tư phát triển địa phương được tổ chức điều hành theo một trong hai phương thức sau: Thành lập bộ máy tổ chức quản lý điều hành độc lập tại địa phương; Ủy thác cho tổ chức tài chính khác tại địa phương quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương. Bộ Tư pháp đề nghị cần quy định rõ tiêu chí lựa chọn áp dụng phương thức tổ chức điều hành của Quỹ để áp dụng thống nhất.

c) Theo quy định tại Điều 18 dự thảo Nghị định, Quỹ đầu tư phát triển địa phương lựa chọn các hình thức đầu tư sau đây: Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; Đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Đầu tư theo hình thức hợp đồng hoặc thực hiện dự án đầu tư. Trong khi đó, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định chặt chẽ về ngành, lĩnh vực, điều kiện, thủ tục đầu tư vốn nhà nước thành lập doanh nghiệp. Như vậy, nếu Quỹ được thực hiện các hoạt động đầu tư thì cần có cơ chế quản lý như các doanh nghiệp nhà nước khác để tạo mặt bằng pháp lý thống nhất nếu không có thể dẫn đến tình trạng các địa phương lạm dụng, thông qua việc thành lập Quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Hiện nay, khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị

định chỉ quy định “Việc đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thực hiện theo các quy định của Nghị định này và pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng” là chưa đầy đủ, rõ ràng cho vấn đề này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định về vấn đề này cho phù hợp.

d) Điều 46 dự thảo Nghị định quy định về chế độ thông tin, báo cáo của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, theo đó, chỉ quy định việc lập và gửi các báo cáo cho các cơ quan nhà nước; cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu; báo cáo Hội đồng nhân dân về tình hình hoạt động của Quỹ. Đề nghị bổ sung thêm quy định về công khai thông tin về hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương tương tự như chế độ công khai thông tin của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay để bảo đảm tính minh bạch, tạo thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của các đơn vị này.

e) Về thủ tục giải thể Quỹ đầu tư phát triển địa phương (Điều 58 dự thảo Nghị định), đề nghị cân nhắc tính khả thi quy định “Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày quyết định giải thể có hiệu lực, Quỹ đầu tư phát triển địa phương phải tuân thủ các quy định sau: ... Khóa sổ kế toán; kiểm kê tài sản; đối chiếu công nợ phải thu, phải trả; lập báo cáo tài chính đến thời điểm quyết định giải thể có hiệu lực; ...”. Thời hạn 01 ngày làm việc là quá ngắn để thực hiện tất cả các hoạt động quy định tại Điều 58 dự thảo Nghị định.

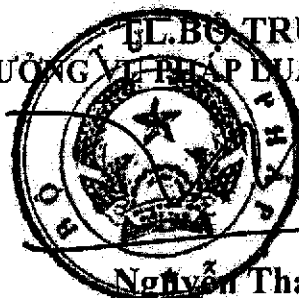
3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản, đề nghị rà soát, chỉnh sửa nội dung dự thảo Nghị định theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Chương V về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, chuyên gia, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện dự thảo Nghị định, gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, xin gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT Phan Chí Hiếu (để b/c);
- PVT Lê Đại Hải (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTT, Đ.Vinh).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Nguyễn Thanh Tú

BỘ XÂY DỰNG

1238
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Ký bởi: Bộ Xây dựng
Email: boxaydung@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng Bộ
Xây dựng
Số: 1238
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2020
4.11.13 CH

Số: **819** /BXD-KHTC

Hà Nội, ngày **28** tháng **02** năm **2020**

V/v tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 565/BTC-TCNH ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Nội dung dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương gửi kèm theo văn bản số 565/BTC-TCNH ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính nêu trên không thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. Do đó, Bộ Xây dựng không có ý kiến.

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp. /*[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Phạm Khánh